

# Bản tin

## Tăng Cường Tiếp cận Công lý và Bảo vệ Quyền tại Việt Nam

Số 9 & 10, tháng 1 đến tháng 6 năm 2013

### Đây là Bản tin nội bộ về các hoạt động của Dự án “Tăng cường tiếp cận công lý và bảo vệ quyền tại Việt Nam”

*Trong thời gian qua, kể từ khi ra Bản tin số 01 đến nay, chúng tôi đã nhận được những phản hồi tích cực đồng thời cũng nhận được những góp ý rất sâu sắc nhằm nâng cao một bước chất lượng của Bản tin, kể cả về nội dung lẫn hình thức. Dự án xin chân thành cảm ơn và rất mong các Quý Vị tiếp tục quan tâm và chia sẻ với chúng tôi những ý tưởng và góp ý để Bản tin ngày càng hoàn thiện hơn.*

### Tin tức về hoạt động của Dự án được thực hiện (từ tháng 1 đến tháng 8 năm 2013):

#### Nghiên cứu đang thực hiện:

- Nghiên cứu so sánh về việc áp dụng tập quán trong công tác xét xử - kinh nghiệm quốc tế và thực tiễn Việt Nam
- Nghiên cứu về sửa đổi, bổ sung các quy định về Quốc hội trong Hiến pháp 1992
- Nghiên cứu đánh giá các chức năng và trách nhiệm chính của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền và cơ chế phối hợp giữa các cơ quan này trong việc thi hành pháp luật về tương trợ tư pháp nhằm đưa ra các khuyến nghị cải thiện hơn nữa công tác quản lý nhà nước trong lĩnh vực này
- Nghiên cứu quy trình chuẩn của việc xem xét và quyết định áp dụng các biện pháp xử lý vi phạm hành chính trong Luật Xử lý vi phạm hành chính
- Nghiên cứu đánh giá về giới trong Dự án Luật Hộ tịch và hoàn thiện Công cụ đánh giá về giới trong xây dựng pháp luật của Bộ Tư pháp
- Nghiên cứu sửa đổi Bộ luật hình sự liên quan đến việc hình sự hoá tội tham nhũng nhằm khắc phục những hạn chế trong việc triển khai các Công ước của Liên Hợp Quốc về phòng, chống tham nhũng của Việt Nam
- Nghiên cứu hoàn thiện hệ thống chế tài hình sự hiện hành, tập trung vào việc nghiên cứu giảm 10 tội tử hình
- Nghiên cứu về vai trò của các tổ chức xã hội trong công tác giám sát, theo dõi, thi hành pháp luật

#### Các sự kiện sắp diễn ra:

- Hội thảo về “Quyền tư pháp trong Nhà nước pháp quyền – lý luận và thực tiễn” (tháng 9 năm 2013 tại Hà Nội)
- Diễn đàn đối thoại chính sách lần thứ nhất năm 2013 về “Chính sách hình sự của Việt Nam trong thời kỳ hội nhập quốc tế” (29/8/2013, Khách sạn Melia Hà Nội)
- Cuộc họp giữa các nhà tài trợ do UNDP và JPP đồng chủ trì thảo luận về chính sách hỗ trợ hoàn thiện pháp luật về tổ chức Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân và hoạt động trợ giúp pháp lý (04/9/2013 tại Văn phòng UNDP, 29 Phan Bội Châu HN)

### **Các sự kiện tính đến tháng 8 năm 2013:**

- **Ngày 21-22/3/2013 tại Hà Nội:** Hội thảo góp ý, hoàn thiện Dự thảo Báo cáo Nghiên cứu quy trình áp dụng các biện pháp xử lý hành chính (do Vụ Pháp luật Hình sự - Hành chính, Bộ Tư pháp, chủ trì và điều phối tổ chức)
- **Ngày 1/4/2013 tại Đà Nẵng:** Hội thảo góp ý, hoàn thiện Dự thảo Báo cáo kết quả khảo sát quản lý hành chính toà án tại Việt Nam (do Văn phòng Ban Chỉ đạo Cải cách tư pháp Trung ương chủ trì và điều phối tổ chức)
- **Ngày 5/4/2013 tại Quảng Ninh:** Hội thảo hoàn thiện Bộ công cụ lồng ghép giới trong xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và Báo cáo đánh giá tác động giới của Dự án Luật Hộ tịch (do Ban Vì sự tiến bộ phụ nữ ngành Tư pháp, Bộ Tư pháp, chủ trì và điều phối tổ chức)
- **Ngày 6/5/2013 tại Hà Nội:** Hội thảo góp ý, hoàn thiện Dự thảo Báo cáo Nghiên cứu so sánh về việc áp dụng tập quán trong công tác xét xử - kinh nghiệm quốc tế và thực tiễn Việt Nam (do Toà án nhân dân tối cao chủ trì và điều phối tổ chức)
- **Ngày 10-11/5/2013 tại Vinh:** Hội thảo góp ý Dự thảo Sửa đổi Hiến pháp năm 1992 (do Vụ Pháp luật Hình sự - Hành chính, Bộ Tư pháp, chủ trì và điều phối tổ chức)
- **Ngày 10/5/2013 tại Hà Nội:** Hội thảo góp ý, hoàn thiện Dự thảo Báo cáo Nghiên cứu về vai trò của tổ chức xã hội và cá nhân trong theo dõi thi hành pháp luật (do Vụ Các vấn đề chung về xây dựng pháp luật, Bộ Tư pháp, chủ trì và điều phối tổ chức)
- **Ngày 15-16/7/2013 tại Đà Nẵng:** Hội thảo thảo luận về các định hướng lớn xây dựng Luật Ban hành quyết định hành chính (do Vụ Pháp luật Hình sự - Hành chính, Bộ Tư pháp, chủ trì và điều phối tổ chức)

### **Các sự kiện đã diễn ra:**

- Phiên họp lần thứ 9 của Ban Chỉ đạo Cải cách Tư pháp Trung ương (24/1/2013)
- Phiên họp lần thứ 10 của Ban Chỉ đạo Cải cách Tư pháp Trung ương (28/3/2013)
- Chủ tịch nước Trương Tân Sang làm việc với Ban Cán sự Đảng Bộ Tư pháp về Tổng kết thực hiện Nghị quyết số 49-NQ/TW của Bộ chính trị về Chiến lược Cải cách Tư pháp (31/7/2013)

#### **Địa chỉ liên hệ:**

Dự án "Tăng cường tiếp cận công lý và bảo vệ quyền tại Việt Nam"  
60 Trần Phú, Hà Nội, Việt Nam  
Điện thoại: +84 4 37345284  
Email: project58492.vn@undp.org

## Phiên họp lần thứ 9 của Ban Chỉ đạo Cải cách Tư pháp Trung ương (24/1/2013)

Sáng 24/1, tại Hà Nội, Ban Chỉ đạo cải cách tư pháp Trung ương đã họp phiên thứ 9, cho ý kiến về Dự thảo báo cáo công tác cải cách tư pháp năm 2012, nhiệm vụ trọng tâm cải cách tư pháp năm 2013. Chủ tịch nước Trương Tấn Sang, Trưởng Ban Chỉ đạo cải cách tư pháp chủ trì phiên họp.



Phiên họp thứ 9 Ban Chỉ đạo cải cách tư pháp Trung ương.

Đóng góp ý kiến vào Dự thảo báo cáo công tác công tác cải cách tư pháp (CCTP) năm 2012, đa số các thành viên Ban Chỉ đạo cho rằng: Năm 2012, các nhiệm vụ CCTP đã được chỉ đạo triển khai thực hiện có trọng tâm, với các kết quả cụ thể trong các lĩnh vực: Xây dựng, hoàn thiện chính sách, pháp luật; xây dựng, hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền, tổ chức bộ máy các cơ quan tư pháp và hỗ trợ tư pháp; xây dựng đội ngũ cán bộ tư pháp và hỗ trợ tư pháp, hợp tác quốc tế, bảo đảm cơ sở vật chất phục vụ các hoạt động tư pháp; hoạt động giám sát của cơ quan dân cử đối với công tác tư pháp; bảo đảm sự lãnh đạo và đổi mới phương thức lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy, tổ chức Đảng.

Ban Chỉ đạo CCTP Trung ương đã thực hiện được nhiều nhiệm vụ quan trọng, nghiên cứu làm rõ những vấn đề còn ý kiến khác nhau, báo cáo Bộ Chính trị xem xét, kết luận các đề

án thuộc nhiệm vụ trọng tâm của chiến lược CCTP.

Tuy nhiên, việc xây dựng, hoàn thiện chính sách, pháp luật về tư pháp vẫn còn chậm; trang bị, phương tiện, điều kiện làm việc của các cơ quan tư pháp chưa được bổ sung, tăng cường kịp thời, chưa đáp ứng được yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm và CCTP. Công tác phối hợp xây dựng pháp lệnh giữa các cơ quan tư pháp ở Trung ương chưa được quan tâm đúng mức. Việc đổi mới nội dung, phương pháp đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ, năng lực cán bộ tư pháp chưa có chuyển biến; công tác tuyển dụng cán bộ của các cơ quan tư pháp còn nhiều khó khăn, vướng mắc chưa được khắc phục; trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của một bộ phận cán bộ tư pháp chưa đáp ứng yêu cầu CCTP. Việc kiện toàn Ban Chỉ đạo cho phù hợp với tình hình biến động về cán bộ ở một số nơi chưa kịp thời ...

Trên cơ sở các kết quả của năm 2012, các thành viên Ban Chỉ đạo cơ bản thống nhất với các nhiệm vụ trọng tâm công tác CCTP năm 2013: Tiếp tục xây dựng, hoàn thiện chính sách, pháp luật thể chế hóa các chủ trương, định hướng về CCTP; xây dựng các đề án chỉ tiết về đổi mới tổ chức và hoạt động của các cơ quan tư pháp; kiện toàn tổ chức, hoạt động của các cơ quan, tổ chức hỗ trợ tư pháp và các cơ quan khác được giao thực hiện nhiệm vụ tư pháp; tăng cường các giải pháp nâng cao chất lượng, hiệu quả các hoạt động tố tụng, hạn chế tình trạng oan, sai, bỏ lọt tội phạm và người phạm tội; giải quyết dứt điểm các vụ việc bức xúc, kéo dài, án tồn đọng quá hạn luật định; tích cực đấu tranh phòng ngừa và chống tiêu cực trong hoạt động tư pháp; đồng thời, tiếp tục đổi mới nội dung và phương pháp đào tạo, bồi dưỡng cán bộ tư pháp nhằm nâng cao trình độ nghiệp vụ, bản lĩnh chính trị, đạo đức nghề nghiệp của đội ngũ cán bộ tư pháp, đặc biệt là cán bộ có chức danh tư pháp; tiếp tục lãnh đạo, chỉ đạo việc củng cố và mở rộng quan hệ hợp tác quốc tế về tư pháp.

Kết luận phiên họp, Chủ tịch nước Trương Tấn Sang khẳng định: Công tác CCTP trong năm 2012 đã có nhiều chuyển biến tích cực với sự quan tâm, lãnh đạo của các cấp ủy, tổ chức đảng trong các cơ quan tư pháp và địa phương. Theo đó, một số đề án quan trọng đã được xem xét; khối tư pháp đã góp phần quan trọng vào việc sửa đổi Hiến pháp năm 1992. Một số đạo luật liên quan đến CCTP cũng được coi trọng; hoàn thiện thẩm quyền của các cơ quan chức năng trong khối tư pháp;

việc xây dựng đội ngũ cán bộ tư pháp, xây dựng cơ sở vật chất đã được quan tâm; tăng cường hợp tác quốc tế ...

Tuy nhiên, theo Chủ tịch nước, vẫn còn tồn tại những hạn chế, yếu kém cần khắc phục trong thời gian tới như: Việc thực hiện pháp luật nói chung, trong đó có CCTP trên một số lĩnh vực chưa đi vào đời sống. Một số chủ trương, định hướng về CCTP nêu trong Nghị quyết 49-NQ/TW của Bộ Chính trị về Chiến lược CCTP đến năm 2020 vẫn chưa được thể chế hóa kịp thời; một số đề án chuyên đề chất lượng còn hạn chế, chưa đáp ứng được yêu cầu, phải sửa đổi, bổ sung nhiều lần...

Đánh giá hoạt động Ban Chỉ đạo CCTP trong năm 2012, Chủ tịch nước Trương Tấn Sang cho rằng, nhìn chung, Ban Chỉ đạo đã có nhiều cố gắng bám sát chương trình đề ra từ đầu năm, mang lại kết quả nhất định. Trên cơ sở đó, giúp Bộ Chính trị kết luận một số vấn đề về thí điểm thừa phát lại, đào tạo đội ngũ tư pháp... Song, do các thành viên Ban Chỉ đạo phải làm nhiệm vụ kiêm nhiệm, nên hoạt động chưa được thường xuyên; một số chuyên đề trong Đề án chậm triển khai.

Về nhiệm vụ CCTP trong năm 2013, Chủ tịch nước Trương Tấn Sang đề nghị, cần tiếp tục tham gia vào việc Dự thảo sửa đổi, bổ sung Hiến pháp năm 1992, trong đó tập trung vào các nội dung liên quan đến cải cách tư pháp; sơ kết Nghị quyết 49-NQ/TW của Bộ Chính trị; nâng cao chất lượng các chuyên đề; tổ chức các đoàn công tác kiểm tra, khảo sát, nắm tình hình triển khai thực hiện các nhiệm vụ CCTP tại các ngành, địa phương.../.

Dự kiến, năm 2013, Ban chỉ đạo CCTP Trung ương sẽ họp 5 phiên để thảo luận về các đề án liên quan đến hoạt động, tổ chức, cơ sở vật chất, cán bộ cho ngành Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân; việc thành lập Tòa án nhân dân và Viện kiểm sát nhân dân 4 cấp và các tòa chuyên trách trong hệ thống Tòa án nhân dân; tổ chức lại hệ thống cơ quan điều tra theo hướng thu gọn đầu mối; phát triển đội ngũ luật sư, thống nhất quản lý công tác thi hành án, chống tiêu cực trong hoạt động tư pháp; tổng kết công tác năm 2013, nhiệm vụ trọng tâm và Chương trình làm việc của Ban Chỉ đạo năm 2014./.

**Đầu mối liên hệ: Trần Hồng Nguyên, Văn phòng Ban Chỉ đạo Cải cách tư pháp Trung ương, điện thoại: 08044657, email: [nguyenth2605@gmail.com](mailto:nguyenth2605@gmail.com)**



## Phiên họp lần thứ 10 của Ban Chỉ đạo Cải cách Tư pháp Trung ương (28/3/2013)

Ngày 28/3, tại Hà Nội, Ban Chỉ đạo Cải cách Tư pháp Trung ương đã tổ chức Phiên họp lần thứ 10, nhằm góp ý vào báo cáo của ban chỉ đạo về Dự thảo sửa đổi Hiến pháp 1992. Chủ tịch nước Trương Tấn Sang - Trưởng Ban chỉ đạo Cải cách Tư pháp Trung ương chủ trì phiên họp.



Toàn cảnh phiên họp

Tại phiên họp, các đại biểu đã nghe Thường trực Ban Chỉ đạo cải cách tư pháp Trung ương trình bày dự thảo báo cáo góp ý Dự thảo sửa đổi Hiến pháp năm 1992.

Về cơ bản các đại biểu đồng ý với nhiều nội dung của Dự thảo sửa đổi Hiến pháp năm 1992 và nhấn mạnh dự thảo đã kế thừa những quy định của Hiến pháp 1992 và các bản Hiến pháp trước đây còn phù hợp với tình hình thực tiễn hiện nay.

Đồng thời dự thảo đã thể chế hóa những chủ trương đường lối chính sách lớn của Đảng về những vấn đề có liên quan được xác định trong các văn kiện Đại hội Đảng lần XI và Nghị quyết Hội nghị Trung ương 2, Trung ương 5 (khóa XI) về sửa đổi Hiến pháp năm 1992. Trong đó xác định rõ chế độ chính trị bản chất Nhà nước và những nội dung yêu

cầu cơ bản của việc xây dựng nhà nước pháp quyền.

Với trách nhiệm của mình, các đại biểu đã thảo luận cụ thể những nhóm vấn đề trong dự thảo như: Chế độ chính trị, Về quyền con người, quyền nghĩa vụ cơ bản của công dân; Về kinh tế xã hội, văn hóa giáo dục; các chế định Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ...

Đặc biệt các đại biểu tập trung thảo luận làm rõ cơ sở lý luận và thực tiễn của các điều khoản của chế định toà án nhân dân, viện kiểm sát nhân dân, về quy định Hội đồng Hiến pháp, Hội đồng Bầu cử Quốc gia...

Về Hội đồng Hiến pháp các đại biểu khẳng định, Hiến pháp là đạo luật cơ bản của Nhà nước, nhưng trong quá trình thi hành Hiến pháp khó tránh khỏi việc xảy ra các trường hợp vi phạm, vượt quyền hoặc không thực thi

nhệm vụ và gây tổn hại hoặc ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của công dân, của các tổ chức và cộng đồng được Hiến pháp bảo hộ. Vì vậy, để đảm bảo quyền lực Nhà nước, việc thực thi quyền lực không chệch khỏi quỹ đạo phục vụ lợi ích của công dân, của mọi người thì việc bảo vệ Hiến pháp là tất yếu khác quan.

Các đại biểu đề nghị thành lập Hội đồng Hiến pháp với đầy đủ chức năng, nhiệm vụ là cần thiết nhằm kiểm soát, hạn chế việc vi phạm Hiến pháp. Dự thảo Hiến pháp chỉ quy định quyền kiến nghị của Hội đồng là chưa hiệu quả, do đó, các đại biểu đề nghị để Hội đồng Hiến pháp thực sự là cơ quan thực quyền thì phải quy định quyền phán quyết của Hội đồng Hiến pháp, có nghĩa là có thể tạm đình chỉ văn bản vi hiến, điều này phù hợp với Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ X nêu rõ “lãnh đạo xây dựng cơ chế phán quyết về những vi phạm Hiến pháp trong hoạt động tư pháp”.

Thảo luận về chế định toà án nhân dân, viện kiểm sát nhân dân, các đại biểu nhấn mạnh tính độc lập của tòa án khi xét xử chỉ tuân theo pháp luật, và thể hiện được yêu cầu của cải cách tư pháp, kiến nghị bổ sung nguyên tắc tranh tụng tại phiên tòa được bảo đảm... giữ nguyên tắc “khi xét xử, hội thẩm ngang quyền với thẩm phán”.

Đáng chú ý, Dự thảo báo cáo của Ban Cải cách Tư pháp Trung ương đề nghị bổ sung chế định Hội đồng Tư pháp Quốc gia nhằm đáp ứng yêu cầu cơ bản của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa là cần có một tòa án tư pháp độc lập để làm tốt nhiệm vụ xét xử công minh, công bằng, khách quan bảo vệ được công lý.

Mô hình Hội đồng Tư pháp quốc gia sẽ có chức năng đảm bảo các điều kiện hoạt động

cho tòa án nhân dân để tòa án các cấp cũng như thẩm phán có thể yên tâm hoạt động một cách độc lập, mọi hoạt động khác do Hội đồng Tư pháp đảm trách.

Đây là mô hình mới nên các đại biểu có nhiều ý kiến khác nhau đề nghị cần được làm rõ hơn về mặt lý luận và thực tiễn, chức năng và mối quan hệ giữa Hội đồng Tư pháp và tòa án cũng như bản chất của Hội đồng là gì...

Với tinh thần trách nhiệm cao, các đại biểu thảo luận sôi nổi đóng góp ý kiến vào từng điều khoản, nhóm vấn đề nhằm góp phần cho bản báo cáo của ban chỉ đạo thực sự đảm bảo được tính khoa học, thực tiễn, đáp ứng mục tiêu của việc xây dựng bản Hiến pháp mới góp phần thúc đẩy sự phát triển của đất nước trong thời gian tới.

Lắng nghe ý kiến đóng góp của các đại biểu vào dự thảo báo cáo của Ban Chỉ đạo Cải cách Tư pháp Trung ương, Chủ tịch nước Trương Tấn Sang đánh giá cao những phân tích sâu sắc và tâm huyết của các đại biểu, thể hiện sự nghiên cứu sâu sát vừa khái quát vừa tổng hợp trên cả hai phương diện lý luận và thực tiễn.

Chủ tịch nước đề nghị các thành viên ban chỉ đạo trên cương vị công tác của mình cần tiếp tục cùng ban chỉ đạo và phối hợp với các cơ quan chức năng tham gia đóng góp ý kiến vào dự thảo báo cáo sửa đổi Hiến pháp năm 1992. Đồng thời Chủ tịch nước đề nghị, Thường trực Ban Chỉ đạo tiếp thu trên tinh thần nghiêm túc, khoa học, tiếp tục hoàn thiện Báo cáo góp ý của ban chỉ đạo để gửi lên Ủy Ban Dự thảo sửa đổi Hiến pháp 1992 nhằm xây dựng được bản Hiến pháp đáp ứng được tâm nguyện của toàn đảng, toàn dân./.

**Đầu mối liên hệ: Trần Hồng Nguyên, Văn phòng Ban Chỉ đạo Cải cách tư pháp Trung ương, điện thoại: 08044657, email: [nguyenth2605@gmail.com](mailto:nguyenth2605@gmail.com)**

## Chủ tịch Trương Tấn Sang làm việc với Ban Cán sự Đảng Bộ Tư pháp về Tổng kết thực hiện Nghị quyết số 49-NQ/TW của Bộ Chính trị về Chiến lược Cải cách Tư pháp (31/7/2013)

Chiều 31/7, Chủ tịch nước Trương Tấn Sang, Trưởng Ban Chỉ đạo cải cách tư pháp Trung ương (BCĐ CCTP TƯ) dẫn đầu Đoàn công tác đã tới làm việc với Ban Cán sự Đảng Bộ Tư pháp để kiểm tra, đánh giá việc quán triệt, triển khai thực hiện Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020 (Nghị quyết số 49). Bộ trưởng Hà Hùng Cường – Bí thư Ban Cán sự Đảng Bộ Tư pháp, các đồng chí Thứ trưởng – thành viên Ban Cán sự cùng lãnh đạo các đơn vị thuộc Bộ đón tiếp Đoàn.



Cùng tham dự buổi làm việc có bà Lê Thị Thu Ba (Phó trưởng BCĐ CCTP TƯ), ông Nguyễn Dỗan Khánh (Phó trưởng Ban Nội chính TƯ), ông Nguyễn Văn Quyền (Phó Chánh Văn phòng TƯ), ông Giang Sơn (Phó Chủ nhiệm văn phòng Chủ tịch nước), ông Kiều Đình Thụ (Phó Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ), Trung tướng Trần Văn Độ (Phó Chánh án TANDTC), ông Lê Hữu Thể (Phó Viện trưởng VKSNDTC), ông Nguyễn Văn Thảo (Phó Chủ tịch thường trực Liên đoàn luật sư Việt Nam), Trợ lý Chủ tịch nước, các ủy viên thường trực của BCĐ, đại diện các Ban của văn phòng BCĐ CCTP TƯ.

Báo cáo với Chủ tịch nước và Đoàn công tác về việc tổng kết thực hiện Nghị quyết số 49,

đồng chí Hoàng Thế Liên, Phó Bí thư Ban Cán sự Đảng, Thứ trưởng Bộ Tư pháp nhấn mạnh: trong hơn 8 năm qua, Ban Cán sự Đảng Bộ Tư pháp đã nghiêm túc triển khai và chỉ đạo sát sao các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện các nhiệm vụ cải cách tư pháp được phân công, đồng thời có nhiều biện pháp tích cực tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện. Đến nay, nhiều nhiệm vụ, đề án đã đạt được những kết quả đáng khích lệ, bước đầu tạo được chuyển biến tích cực trên nhiều lĩnh vực công tác, qua đó góp phần nâng cao vị thế của Bộ, ngành Tư pháp trong đời sống chính trị, kinh tế và xã hội của đất nước.





Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, Ban Cán sự Đảng Bộ Tư pháp cũng nhận thấy những hạn chế, yếu kém nhất định trong quá trình triển khai Nghị quyết số 49 như: thể chế trong lĩnh vực tư pháp, hỗ trợ tư pháp, công tác THADS vẫn còn những hạn chế, bất cập. Việc phát triển các dịch vụ công, dịch vụ pháp lý do Ngành tư pháp quản lý trên một số lĩnh vực còn chậm so với yêu cầu của thực

tiễn. Tổ chức và hoạt động của luật sư, công chứng, giám định, trợ giúp pháp lý còn bộc lộ nhiều hạn chế, bất cập. Công tác đào tạo nguồn nhân lực pháp luật, các chức danh tư pháp vẫn còn nảy sinh những vấn đề chưa thống nhất về quan điểm và phối hợp hành động thực tế giữa các Ngành. Chế độ, chính sách liên quan đến công tác đầu tư xây dựng có những điểm chưa hợp lý...



Qua 8 năm triển khai Nghị quyết số 49, ngành Tư pháp đã rút ra được những bài học kinh nghiệm quý báu. Thứ nhất, sự nhận thức đúng đắn và lãnh đạo sát sao của các cấp ủy Đảng là yếu tố quyết định thành công của cải cách tư pháp. Thứ hai, khơi dậy và duy trì tính chủ động, năng động, sáng tạo của cán bộ, công chức tư pháp mà trước tiên và quan trọng nhất là của thủ trưởng, lãnh đạo đơn vị góp phần quan trọng vào việc đạt được các

mục tiêu của cải cách. Thứ ba, triển khai thực hiện Nghị quyết số 49 cần có trọng tâm, trọng điểm với sự chỉ đạo tập trung, kịp thời, quyết liệt, dứt điểm và có sự phối hợp chặt chẽ giữa các Bộ, ngành. Thứ tư, chuẩn bị tốt nguồn nhân lực, xác định hợp lý lộ trình cải cách, kịp thời sơ kết thực tiễn, rút kinh nghiệm cho các bước cải cách tiếp theo có ý nghĩa quan trọng trong việc thực hiện thành công các định hướng của cải cách.





Cơ bản đồng tình với báo cáo của Ban Cán sự Đảng Bộ Tư pháp về kết quả thực hiện Nghị quyết số 49, các thành viên trong Đoàn công tác của BCĐ CCTP TƯ đều đánh giá cao nỗ lực, sự kiên trì và quyết tâm cao của Bộ Tư pháp trong thực hiện các nhiệm vụ cải cách tư pháp, từ đó khẳng định và ghi nhận

những thành công mà Bộ đã đạt được trong công tác này thời gian qua. Bên cạnh đó, nhiều ý kiến cũng đã chỉ ra những hạn chế mà Bộ Tư pháp cần tập trung khắc phục, đồng thời nêu lên một số vấn đề mà Bộ cần làm rõ và bổ sung thêm trong Báo cáo.



Trân trọng tiếp thu các ý kiến góp ý để làm rõ hơn, sâu sắc hơn các nội dung của Báo cáo, Bộ trưởng Hà Hùng Cường khẳng định: những chủ trương cải cách tư pháp trong Nghị quyết số 49 cơ bản là đúng đắn và sáng suốt. Tuy nhiên, một số chính sách cải cách đã được chi tiết hóa nhưng vẫn đang có nhiều khó khăn cần tháo gỡ, một số vấn đề liên quan đến việc thực hiện các chủ trương CCTP chưa giải quyết được. Vì vậy, việc tổng kết nhằm đưa ra được những đánh giá, kiến



ngợi rõ ràng về từng chủ trương, định hướng, nhiệm vụ là quan trọng và cần thiết. Bộ Tư pháp cùng với các Bộ, ngành có liên quan đã và đang tích cực thực hiện nhiệm vụ này để tham mưu với BCĐ CCTP TƯ, trên cơ sở đó kiến nghị Bộ Chính trị tiếp tục thực hiện hoặc bổ sung, phát triển những chủ trương, định hướng đúng đắn, đồng thời yêu cầu dừng, không thực hiện những chủ trương, định hướng không còn phù hợp với yêu cầu phát triển của đất nước. Với trách nhiệm và quyết

tâm của mình, Bộ Tư pháp hứa sẽ cố gắng thực hiện tốt hơn những nhiệm vụ được giao



và sẽ được giao để góp phần vào công cuộc cải cách tư pháp nước nhà.



Kết luận tại buổi làm việc, Chủ tịch nước Trương Tấn Sang, Trưởng BCĐ CCTP TƯ nhận định: trong thời gian qua, Bộ Tư pháp là một trong những cơ quan “chủ công”, có nhiều đóng góp tích cực cho việc thực hiện Nghị quyết số 49 nói riêng và công cuộc cải cách tư pháp của Đảng và Nhà nước nói chung. Tuy nhiên, không có Nghị quyết nào bao quát được hết các vấn đề của cuộc sống nên cần phải tổng kết phải trên cơ sở chú trọng tới thực tiễn, từ đó chỉ rõ những gì làm được và chưa được, đề xuất những giải pháp, chủ trương để đáp ứng yêu cầu của cuộc sống. Đồng chí bày tỏ tin tưởng rằng, cùng sự phối kết hợp của các Bộ, ngành, với sự cố gắng, quyết tâm, Ban Cán sự Đảng Bộ Tư pháp và cán bộ, công chức ngành Tư pháp sẽ giải đáp được những vấn đề còn tồn tại trong

công cuộc cải cách tư pháp, góp phần xây dựng nền tư pháp Việt Nam vững mạnh, xứng tầm, là bộ phận không thể thiếu của Nhà nước pháp quyền./.



**Đầu mối liên hệ: Nguyễn Minh Phương, Phó Vụ trưởng Vụ Hợp tác quốc tế, Bộ Tư pháp, điện thoại: 04.62739532, email: [phuongnm@moj.gov.vn](mailto:phuongnm@moj.gov.vn)**



**Nghiên cứu đang tiến hành:**  
**Nghiên cứu so sánh về Tập quán pháp – Thực trạng ở Việt Nam và một số đề xuất nhằm nâng cao hiệu quả áp dụng tập quán pháp ở Việt Nam**

**T**rong giai đoạn đẩy mạnh thực hiện công cuộc cải cách tư pháp nhằm xây dựng nhà nước pháp quyền Việt Nam XHCN hiện nay, vấn đề xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật được xác định là một trong các nhiệm vụ trọng tâm. Quan điểm chỉ đạo cho quá trình hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam được xác định trong Nghị quyết số 48-NQ/TW ngày 24/05/2005 của Bộ Chính trị về chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến 2010 và định hướng đến 2020 được xác định đó là phải “xuất phát từ thực tiễn Việt Nam, đồng thời tiếp thu có chọn lọc kinh nghiệm quốc tế về xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật; kết hợp hài hòa bản sắc văn hóa, truyền thống tốt đẹp của dân tộc và tính hiện đại của hệ thống pháp luật”. Trong bối cảnh đó, đề cập đến vấn đề thừa nhận và áp dụng tập quán pháp tại Việt Nam, Nghị quyết 48 nêu trên đã chỉ rõ yêu cầu phải “hoàn thiện pháp luật về hợp đồng theo hướng tôn trọng thỏa thuận của các bên giao kết hợp đồng, không trái đạo đức xã hội, không xâm phạm trật tự công cộng, phù hợp với tập quán, thông lệ thương mại quốc tế”.

Hiện nay, tập quán pháp hiện được nhiều quốc gia trên thế giới công nhận là một hình thức pháp luật và được nhà nước bảo đảm thực hiện. Trên thực tế, việc sử dụng tập quán pháp có ý nghĩa tích cực khi nó có khả năng thay thế sự điều chỉnh của pháp luật trong những phạm vi nhất định, trong một số quan hệ xã hội; đồng thời tập quán pháp còn có vai trò bổ sung cho pháp luật trong những điều kiện nhất định. Tại Việt Nam, một số tập quán pháp đã được Nhà nước công nhận, chủ yếu trong lĩnh vực dân sự. Khi tập quán được Nhà nước công nhận sẽ trở thành tập quán pháp và được thực hiện theo các quy định pháp luật cụ thể. Tập quán pháp không chỉ có ý nghĩa tích cực trong việc giải quyết các tranh chấp dân sự hay thương mại, tại các địa bàn vùng sâu, vùng xa, vùng núi hay vùng có

điều kiện kinh tế xã hội gặp nhiều khó khăn, mà còn tăng cường khả năng tiếp cận công lý và bảo vệ quyền cho người dân.

Tại Việt Nam, việc áp dụng tập quán pháp đã có lịch sử hình thành và phát triển lâu dài qua các thời kỳ lịch sử. Dưới các triều đại phong kiến, tập quán, như các hương ước làng xã và các phong tục hay tập quán của cộng đồng dân cư, đã đóng vai trò quan trọng trong việc thay thế pháp luật, góp phần duy trì sự ổn định của xã hội. Trong những năm qua, việc áp dụng tập quán pháp trong thực tiễn xét xử các vụ án dân sự mang lại hiệu quả ngày càng cao, nhất là liên quan đến lĩnh vực nhân thân hay giải thích giao dịch dân sự (bao gồm cả hợp đồng dân sự); hình thức giao dịch hui, họ; giao dịch thuê tài sản.

Tuy nhiên, ở nước ta, việc công nhận và áp dụng tập quán pháp còn gặp một số khó khăn do những hạn chế về cơ sở pháp lý và nhiều vấn đề tồn tại trong thực tiễn. Chẳng hạn, các văn bản pháp luật hiện hành chưa bao gồm định nghĩa ‘tập quán pháp’, chưa quy định đầy đủ các điều kiện được áp dụng tập quán; chúng ta chưa có danh mục các tập quán. Những điều này dẫn đến các Tòa án e ngại áp dụng tập quán trong xét xử và có quan điểm không thống nhất về công nhận và áp dụng tập quán. Trong nhiều vụ việc, Tòa án này thì cho rằng quy tắc xử sự nhất định là tập quán nhưng Tòa án khác lại cho rằng quy tắc xử sự đó không phải là tập quán.

Hơn nữa, mặc dù tập quán pháp không phải là vấn đề mới ở Việt Nam nhưng những nghiên cứu hiện nay về tập quán pháp chưa đầy đủ và toàn diện. Tập quán pháp được đề cập đến trong một số giáo trình của các cơ sở đào tạo luật tại Việt Nam. Bên cạnh đó, một số luận án tiến sĩ và luận văn thạc sĩ bàn về tập quán pháp, trong đó phải kể đến luận án tiến sĩ của Phan Nhật Thanh, *Recognizing Customary Law*



*in Vietnam: Legal pluralism and human rights*, Trường Đại học Wollongong, Ôtx-tray-lia, 2011. Tập quán và luật tục được đề cập tới trong các đề tài nghiên cứu, chẳng hạn như Chuyên đề: *Mối quan hệ giữa tập tục và pháp luật do Viện nghiên cứu khoa học pháp lý*, Bộ Tư pháp thực hiện năm 1999. Đồng thời, tập quán và tập quán pháp còn được không ít các tác giả nghiên cứu trong các bài viết đã được công bố như: Trần Thế Linh, *Hình thức luật pháp trong một số triều đại phong kiến Việt Nam*, Người Đại biểu nhân dân, 1998; Ngô Đức Thịnh, *Các giá trị luật tục ở Tây nguyên, Văn hóa*, 2008; Nguyễn Chí Dũng, *Luật tục với việc thi hành pháp luật*, Tạp chí nghiên cứu lập pháp, 2005; Nguyễn Thị Tuyết Mai, *Tập quán và việc áp dụng tập quán*, Tạp chí nghiên cứu lập pháp, 2009; Phan Trung Hiền, *Luật tôn giáo của một số quốc gia và khái niệm hình thức pháp luật ở Việt Nam*, Tạp chí nghiên cứu lập pháp, 2011. Những công trình nghiên cứu hiện nay mới chỉ tiếp cận, khai thác khía cạnh hẹp của tập quán, tập quán pháp hoặc đề cập chung chung, khái quát về tập quán pháp mà chưa nghiên cứu, đánh giá toàn diện về thực trạng công nhận và áp dụng tập quán pháp tại Việt Nam thông qua xem xét pháp luật và thực tiễn xét xử, trên cơ sở đó đưa ra đề xuất nhằm nâng cao hiệu quả áp dụng tập quán pháp ở Việt Nam.

Chính vì vậy, cần phải tiến hành nghiên cứu một cách có hệ thống về việc áp dụng tập quán pháp ở Việt Nam và đưa ra một số đề xuất nhằm nâng cao hiệu quả áp dụng tập quán pháp ở Việt Nam.

Mục tiêu chung của nghiên cứu là nhằm cung cấp một bức tranh toàn thể về thực trạng công nhận và áp dụng tập quán pháp trong lĩnh vực dân sự tại Việt Nam thông qua phân tích, đánh giá pháp luật và một số vụ án dân sự cụ thể. Trên cơ sở đó, Báo cáo trình bày một số đề xuất nhằm hoàn thiện các quy định pháp luật Việt Nam về tập quán pháp và tháo gỡ những vướng mắc trong thực tiễn công nhận và áp dụng tập quán pháp

Trên cơ sở xem xét một số hoạt động xét xử án dân sự của toà án tại Việt Nam, Báo cáo nghiên cứu đã đưa ra một số đánh giá về công nhận và áp dụng tập quán trong thực tiễn xét xử của các Tòa án tại Việt Nam như sau:

*Thứ nhất*, tập quán đã được áp dụng trong giải quyết các vụ án dân sự tại Tòa án các cấp (sơ thẩm, phúc thẩm hay các thủ tục xét lại bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật) và tại nhiều địa phương khác nhau trong phạm vi cả nước;

*Thứ hai*, thực tiễn cho thấy tập quán được áp dụng để giải quyết nhiều loại tranh chấp dân sự như tranh chấp về di sản thừa kế, hợp đồng, quyền sở hữu, hay quyền ưu tiên khai thác địa điểm đánh bắt hải sản;

*Thứ ba*, áp dụng tập quán được chứng minh là cách thức hiệu quả trong giải quyết tranh chấp dân sự, nhất là trong các trường hợp để giải quyết việc lấp chỗ trống trong khi thiếu các quy định pháp luật và sự thỏa thuận của các đương sự.

*Thứ tư*, các Tòa án còn chưa có sự thống nhất cao trong việc công nhận và áp dụng tập quán. Các Tòa án chưa thống nhất trong việc áp dụng tập quán của Tòa án cấp trên (nhất là của Tòa án nhân dân tối cao) đối với Tòa án cấp dưới hay vấn đề áp dụng tập quán tương tự của các Tòa án ngang cấp với nhau. Ngoài ra, việc sửa đổi các tập quán áp dụng trong hoạt động xét xử của Tòa án các cấp do sự biến chuyển của tình hình cũng chưa được tính đến. Đây có thể được xem là khó khăn cơ bản khiến việc công nhận và áp dụng tập quán trong hoạt động xét xử của hệ thống Tòa án nhân dân các cấp còn thiếu hiệu quả;

*Thứ năm*, các tòa án còn gặp vướng mắc trong quá trình áp dụng tập quán, đặc biệt liên quan đến hai vấn đề: (i) xác định tập quán nào được công nhận và áp dụng; (ii) điều kiện áp dụng tập quán. Một số các điều kiện khác nhau đã được các Tòa án dùng để phủ nhận việc sử dụng tập quán trên thực tế. Ngoài ra, việc công nhận và áp dụng tập quán trong hoạt động xét xử cũng gặp phải vấn đề là chủ thể nào có nghĩa vụ chứng minh khả năng áp dụng tập quán pháp; giải quyết như thế nào trong trường hợp các chủ thể chứng minh khác nhau về khả năng áp dụng tập quán pháp. Đây là các vấn đề rất quan trọng cần được giải quyết đúng đắn để có thể công nhận và áp dụng các tập quán trong hoạt động xét xử của Tòa án một cách có hiệu quả.

Trên cơ sở đánh giá thực trạng công nhận và áp dụng tập quán pháp tại Việt Nam, Báo cáo đã đưa ra một số đề xuất nhằm nâng cao hiệu quả

áp dụng tập quán pháp tại Việt Nam, bao gồm các nhóm đề xuất sau:

**(1) Các đề xuất về hoàn thiện pháp luật về tập quán pháp:** (i) Cần xác định rõ hình thức văn bản quy định về tập quán pháp và nội dung của từng văn bản; (ii) Cần định nghĩa “tập quán” và “tập quán pháp” trong văn bản pháp luật; (iii) Cần biên soạn và sưu tầm danh mục tập quán hay “bộ tập quán”; (iv) Cần quy định tiêu chí/điều kiện để tập quán trở thành tập quán pháp; (v) Về hình thức công nhận tập quán pháp; (vi) Phạm vi áp dụng tập quán pháp chỉ nên áp dụng trong lĩnh vực dân sự; (vii) Về điều kiện áp dụng tập quán pháp; (viii) Quy định rõ thứ tự ưu tiên áp dụng tập quán theo nguyên tắc trước tiên tôn trọng sự thoả thuận của các bên, sau đó mới áp dụng tập quán và cuối cùng mới áp dụng các căn cứ khác; và (ix) Về giải quyết xung đột giữa các tập quán pháp.

**(2) Các đề xuất về đầu tư hợp lý cho phát triển kinh tế - xã hội ở nông thôn, miền núi, vùng sâu vùng xa:**

**(3) Một số đề xuất khác:** (i) đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật để nâng cao trình độ dân trí, ý thức pháp luật cho dân cư nông thôn và đồng bào dân tộc thiểu số; (ii) tăng cường đào tạo và bồi dưỡng trình độ pháp luật cho các cán bộ cấp cơ sở ở nông thôn, miền núi, vùng sâu vùng xa; (iii) phát huy vai trò của các cá nhân, tổ chức tích cực trong công nhận và áp dụng tập quán pháp.

Như vậy, ở Việt Nam, tập quán pháp không phải là vấn đề hoàn toàn mới nhưng còn là vấn đề phức tạp. Kinh nghiệm của các nước và thực tế ở nước ta cho thấy giá trị của tập quán pháp trong điều chỉnh các quan hệ xã hội thuộc lĩnh vực dân sự cũng như góp phần bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chủ thể. Tuy nhiên, pháp luật nước ta về tập quán pháp đã hình thành từ lâu nhưng cho đến nay còn không ít hạn chế và khiếm khuyết; đồng thời, thực tiễn xét xử cũng cho thấy nhiều vướng mắc trong công nhận và áp dụng tập quán pháp. Để nâng cao hiệu quả áp dụng tập quán pháp, cần phải thực hiện đồng bộ nhiều giải pháp chứ không chỉ riêng hoàn thiện khung pháp luật về công nhận và áp dụng tập quán pháp. Hơn nữa, để đạt được mục tiêu này, cần sự nỗ lực của nhiều chủ thể chứ không chỉ riêng ngành tòa án. Đặc biệt, chính sách và định hướng rõ ràng của Đảng, Nhà nước về vấn đề này và sự phối hợp chặt chẽ giữa các chủ thể có liên quan đóng vai trò quan trọng./.

**Đầu mối liên hệ: Trần Văn Thư, Phó Vụ trưởng Vụ Hợp tác quốc tế, Tòa án Nhân dân Tối cao, điện thoại: 0912441790, email: [vanthutran345@gmail.com](mailto:vanthutran345@gmail.com)**

## **Nghiên cứu đang tiến hành: Nghiên cứu về việc sửa đổi, bổ sung các quy định về Quốc hội trong Hiến pháp năm 1992**

**T**rong tổ chức, bộ máy nhà nước ta, Quốc hội có vị trí, vai trò hết sức quan trọng. Quốc hội là cơ quan đại biểu cao nhất của nhân dân, cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Là cơ quan đại diện cho ý chí, nguyện vọng của mọi tầng lớp nhân dân nên việc tổ chức và hoạt động của Quốc hội có ảnh hưởng không nhỏ đến lợi ích quốc gia, lợi ích của toàn xã hội và

của từng người dân. Chính vì vậy, việc kiện toàn tổ chức, đổi mới phương thức và nâng cao hiệu quả hoạt động của Quốc hội là chủ trương lớn của Đảng về xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền Việt Nam xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân và vì nhân. Trên cơ sở các quy định của Hiến pháp năm 1992, tổ chức và hoạt động của Quốc hội nước ta đã có những đổi mới, góp phần quan

trọng vào nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của bộ máy nhà nước, đáp ứng ngày càng tốt hơn yêu cầu của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa. Tuy nhiên, qua 20 năm thực hiện các quy định về Quốc hội trong Hiến pháp cho thấy những hạn chế, bất cập nhất định, cụ thể là:

*Thứ nhất*, về chức năng lập hiến, lập pháp, tuy quyền làm Hiến pháp và sửa đổi Hiến pháp đã được ghi nhận và được thực hiện trên thực tế song quy trình để Quốc hội thực hiện quyền này lại chưa được cụ thể hóa thật đầy đủ, dẫn đến một số bất cập, chưa thống nhất trong quá trình thực hiện. Trong hoạt động lập pháp, vẫn còn những lĩnh vực của đời sống xã hội chưa có luật điều chỉnh; còn tình trạng một số luật, pháp lệnh mới được ban hành nhưng chất lượng chưa cao, thiếu tính khả thi, chậm đi vào cuộc sống. Quá trình xây dựng một số luật, pháp lệnh chưa thực sự bám sát nhu cầu cuộc sống, dẫn đến việc phải sửa đổi, bổ sung nhiều lần, làm ảnh hưởng đến sự ổn định của hệ thống pháp luật. Việc bảo đảm tính hợp hiến và tính thống nhất của hệ thống pháp luật đối với một số dự án luật, pháp lệnh và công tác giải thích Hiến pháp, luật, pháp lệnh thực hiện còn hạn chế.

*Thứ hai*, trong lĩnh vực giám sát, quyền giám sát tối cao của Quốc hội đối với toàn bộ hoạt động của Nhà nước như hiện nay là quá rộng dẫn đến phạm vi, đối tượng giám sát của Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội, Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội quá lớn, dàn trải. Hoạt động giám sát của Quốc hội còn có những biểu hiện hình thức và chưa đạt hiệu quả cao, chế tài rất hạn chế, chưa đáp ứng được đầy đủ đòi hỏi của thực tiễn. Việc giám sát một số nội dung quan trọng về quản lý, sử dụng ngân sách, về cải cách hành chính, về ban hành văn bản quy phạm pháp luật và việc giải quyết đơn, thư khiếu nại, tố cáo của công dân chưa làm được nhiều, còn lúng túng, thiếu sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan của Quốc hội với hoạt động thanh tra, kiểm tra của các cơ quan hữu quan.

*Thứ ba*, Hiến pháp năm 1992 quy định Quốc hội có quyền quyết định nhiều vấn đề quan trọng của đất nước. Tuy nhiên, trong số đó có những nội dung trong các nghị quyết mà Quốc hội ban hành mang tính chất điều hành như

"quyết định kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của đất nước", "quyết định chính sách tài chính, tiền tệ quốc gia", chưa bảo đảm sự điều hành linh hoạt của Chính phủ trong nền kinh tế thị trường. Việc quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước còn có những vấn đề chưa phản ánh đúng các yêu cầu của cuộc sống, chất lượng xem xét một số quyết định chưa cao, hiệu lực thực thi thấp, tính dự báo trong một số quyết định dài hạn còn bất cập.

*Thứ tư*, về bộ máy của Quốc hội, mặc dù các cơ quan của Quốc hội đã ngày càng được tăng cường, nhưng so với phạm vi và tính chất hoạt động của Quốc hội, số lượng các Ủy ban vẫn còn chưa thật tương xứng với khối lượng công việc phải đảm nhiệm. Việc phân lớn các thành viên của Hội đồng dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội hoạt động kiêm nhiệm cũng gây khó khăn nhất định cho Hội đồng dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội trong việc duy trì chế độ làm việc tập thể và quyết định theo đa số.

Nghị quyết Hội nghị lần thứ hai Ban chấp hành trung ương Đảng (khóa XI) về triển khai thực hiện chủ trương nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung Hiến pháp năm 1992 đã yêu cầu phân định rõ "*Thẩm quyền, trách nhiệm, cơ chế phối hợp và kiểm soát quyền lực giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp và thể hiện nhất quán nguyên tắc này trong Hiến pháp*"; "*xác định rõ thẩm quyền của Quốc hội trong việc quyết định kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, chính sách tài chính, tiền tệ quốc gia*"; "*Nghiên cứu cơ chế bảo vệ Hiến pháp, xây dựng và từng bước hoàn thiện cơ chế tăng cường kiểm tra, giám sát tính hợp hiến, hợp pháp trong các hoạt động của các cơ quan lập pháp, hành pháp và tư pháp phù hợp với thể chế chính trị và thực tiễn Việt Nam*".

Vì vậy, việc nghiên cứu sửa đổi, bổ sung các quy định về Quốc hội trong Hiến pháp năm 1992 để khắc phục những hạn chế, bất cập nêu trên và thể chế hóa Nghị quyết Hội nghị lần thứ hai Ban chấp hành trung ương Đảng (khóa XI) bảo đảm cho hoạt động của Quốc hội, các cơ quan của Quốc hội và đại biểu Quốc hội ngày càng được nâng cao cả về chất và lượng là một nhiệm vụ quan trọng và cấp thiết. Trong bối cảnh đó, việc lựa chọn nghiên cứu sửa đổi, bổ sung các quy định về Quốc hội trong Hiến pháp năm 1992 là rất cần thiết và có ý nghĩa to lớn.



Được sự hỗ trợ của Dự án “Tăng cường tiếp cận công lý và bảo vệ quyền tại Việt Nam” do UNDP tài trợ, Ủy ban Pháp luật Quốc hội đã tiến hành tổng hợp, rà soát, phân tích và nghiên cứu các quy định về Quốc hội trong Hiến pháp và pháp luật hiện hành; trên cơ sở đó, kiến nghị, sửa đổi, bổ sung các quy định về Quốc hội trong Hiến pháp năm 1992 và các văn bản pháp luật liên quan.

Mục tiêu của Nghiên cứu là nhằm: (1) đảm bảo mục tiêu tiếp tục phát huy dân chủ theo đúng định hướng đã được xác định tại Nghị quyết Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng. Theo đó, các quy định của Hiến pháp về Quốc hội sẽ được sửa đổi, bổ sung theo hướng thể hiện rõ quyền làm chủ của nhân dân; xây dựng Hiến pháp là quyền của nhân dân; cơ chế nhân dân giám sát hoạt động của Quốc hội; (2) tăng cường sự gắn bó giữa Quốc hội, các cơ quan của Quốc hội, các đại biểu Quốc hội với nhân dân nhằm thể chế hóa mục tiêu xây dựng “Cơ chế đại biểu Quốc hội gắn bó chặt chẽ và có trách nhiệm với cử tri” đã được nêu tại Báo cáo Chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X tại Đại hội toàn quốc lần thứ XI của Đảng; (3) làm rõ cơ chế phân công, phối hợp và kiểm soát quyền lực giữa Quốc hội với các cơ quan nhà nước khác trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp. Đặc biệt, việc sửa đổi, bổ sung các quy định của Hiến pháp về Quốc hội cũng sẽ tập trung làm rõ cơ chế kiểm soát lẫn nhau giữa Quốc hội với Chính phủ, Quốc hội với các cơ quan tư pháp, và mối quan hệ giữa Quốc hội với các cơ quan nhà nước ở địa phương; và (4) đổi mới tổ chức và hoạt động của Quốc hội theo hướng hiện đại hóa, chuyên nghiệp hóa trong đó có những mục tiêu đã được xác định tại Đại hội

lần thứ XI của Đảng như “Cải tiến, nâng cao hoạt động của Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội. Đổi mới, nâng cao chất lượng các kỳ họp của Quốc hội”.

Trên cơ sở nghiên cứu những quy định về Quốc hội trong Hiến pháp và pháp luật hiện hành, Báo cáo nghiên cứu đã đưa ra những kiến nghị sửa đổi một số quy định của Hiến pháp về tổ chức và hoạt động của Quốc hội, bao gồm những khuyến nghị về: (i) Vị trí, vai trò, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và nguyên tắc làm việc của Quốc hội; (ii) Vị trí, vai trò, cơ cấu, tổ chức, nhiệm vụ và quyền hạn cụ thể của Ủy ban thường vụ Quốc hội; (iii) Hệ thống Ủy ban của Quốc hội; (iv) Đại biểu Quốc hội; và (v) Cơ chế phân công, phối hợp, kiểm soát quyền lực giữa Quốc hội với các cơ quan thực hiện quyền hành pháp, tư pháp theo yêu cầu của Cương lĩnh 1992 (bổ sung, phát triển năm 2011)

Báo cáo này sẽ là tài liệu tham khảo cho việc nghiên cứu sửa đổi Hiến pháp năm 1992 và các luật: Luật tổ chức Quốc hội, Luật hoạt động giám sát của Quốc hội, Luật bầu cử đại biểu Quốc hội, Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật và các luật về tổ chức bộ máy nhà nước khác; đồng thời là tài liệu tham khảo hữu ích dùng trong nghiên cứu khoa học pháp lý và việc giảng dạy tại các trường đại học./.

**Đầu mối liên hệ: Nguyễn Phương Thủy,**  
**Phó Vụ trưởng Vụ Pháp luật của Quốc**  
**hội kiêm Giám đốc Tiểu dự án, điện**  
**thoại: 0988095463, email:**  
**[thuynp@qh.gov.vn](mailto:thuynp@qh.gov.vn)**

**Nghiên cứu đang tiến hành:**  
**Nghiên cứu đánh giá các chức năng và trách nhiệm chính của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền và cơ chế phối hợp giữa các cơ quan này trong việc thi hành pháp luật về tương trợ tư pháp**

**S**ự ra đời của Luật Tương trợ tư pháp năm (Luật TTTP) năm 2007, sau đó là Nghị định số 92/2008/NĐ-CP ngày 22/8/2008 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật TTTP đã thể chế hóa đường lối, chủ trương của Đảng và Nhà nước về tương trợ tư pháp trong bối cảnh cải cách tư pháp và cải cách pháp luật, đất nước ngày càng hội nhập sâu rộng vào thế giới và khu vực. Sau hơn 3 năm thi hành Luật TTTP, công tác tương trợ tư pháp đã có những bước chuyển tích cực và toàn diện.

Một trong những tác động quan trọng khi Luật TTTP được ban hành và đi vào thực hiện đó là đã góp phần nâng cao nhận thức của các cơ quan nhà nước, của cán bộ và người dân về vai trò của công tác tương trợ tư pháp, về chức năng, nhiệm vụ của mỗi cơ quan cụ thể trong công tác tương trợ tư pháp. Các văn bản pháp luật mới trong lĩnh vực này đã quy định khá rõ trách nhiệm của các cơ quan nhà nước trong lĩnh vực tương trợ tư pháp. Công tác tổ chức và cán bộ thực hiện hoạt động tương trợ tư pháp ở Trung ương đã được quan tâm kiện toàn một bước với việc phân công, phân nhiệm rõ ràng. Các cơ quan đầu mối Trung ương là Bộ Tư pháp, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Công an, Tòa án nhân dân tối cao, Bộ Ngoại giao đều có một bộ phận chuyên trách về tương trợ tư pháp với đội ngũ cán bộ có trình độ chuyên môn pháp luật, có năng lực.

Trong hơn 4 năm kể từ khi Luật ban hành, công tác đàm phán, ký kết điều ước quốc tế trong lĩnh vực tương trợ tư pháp đã ngày càng có những bước phát triển về cả số lượng và chất lượng. Các Bộ ngành đã đàm phán 20 hiệp định/thỏa thuận song phương trên cả 3 lĩnh vực dân sự, hình sự, dẫn độ và chuyển giao người đang

chấp hành hình phạt tù<sup>1</sup>. Bên cạnh đó, hoạt động hợp tác quốc tế và tham gia các diễn đàn, điều ước quốc tế đa phương về tương trợ tư pháp được đẩy mạnh. Các cơ quan đầu mối về tương trợ tư pháp đã tích cực tham gia các hội nghị quốc tế, diễn đàn khu vực về tư pháp quốc tế nói chung và về tương trợ tư pháp nói riêng như trong khuôn khổ hợp tác ASEAN, trong khuôn khổ Hội nghị La Hay.

Về công tác thực hiện ủy thác tư pháp, các yêu cầu ủy thác xử lý hàng năm ngày càng tăng về số lượng, phức tạp và đa dạng hơn về nội dung, đối tượng, nước thực hiện/yêu cầu thực hiện ủy thác tư pháp<sup>2</sup>. Tuy nhiên, với các quy định cụ thể và chi tiết về chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan đầu mối, quy trình thủ tục thực hiện ủy thác tư pháp rõ ràng, công tác thực hiện ủy thác tư pháp ngày càng đi vào nền nếp. Các cơ quan

<sup>1</sup> Theo Báo cáo Sơ kết 3 năm thi hành Luật tương trợ tư pháp, trong thời gian 3 năm qua, Bộ Tư pháp đã chủ trì phối hợp với các Bộ, ngành tiến hành đàm phán, ký kết mới Hiệp định tương trợ tư pháp song phương về dân sự với 6 nước; Bộ Công an đã chủ trì đề xuất tiến hành đàm phán 02 Hiệp định tương trợ tư pháp về hình sự, 04 hiệp định về dẫn độ, 05 hiệp định về chuyển giao người đang chấp hành hình phạt tù. trong số đó, 07 hiệp định đã được ký kết; Viện Kiểm sát nhân dân tối cao chủ trì đàm phán 3 hiệp định song phương về hình sự.

<sup>2</sup> Theo Báo cáo Sơ kết 3 năm thi hành Luật tương trợ tư pháp, từ 01 tháng 7 năm 2008 đến 30 tháng 6 năm 2011, Bộ Tư pháp đã tiếp nhận 7.917 hồ sơ UTTP ra của các cơ quan có thẩm quyền Việt Nam và 826 hồ sơ ủy thác tư pháp của các cơ quan có thẩm quyền nước ngoài; Viện kiểm sát nhân dân tối cao đã tiếp nhận 164 hồ sơ yêu cầu tương trợ tư pháp vào đến từ 28 nước và 33 hồ sơ ủy thác ra của các cơ quan có thẩm quyền Việt Nam; Bộ Công An đã tiếp nhận và thực hiện gần 100 yêu cầu tương trợ tư pháp về hình sự của các nước qua kênh Interpol và 74 yêu cầu ủy thác tư pháp về hình sự của các nước qua Viện kiểm sát nhân dân tối cao

thực hiện các hoạt động tương trợ tư pháp đã luôn cố gắng thực hiện đầy đủ, nghiêm túc các quy định của Luật Tương trợ tư pháp, nhằm giải quyết nhanh chóng, kịp thời và hiệu quả các ủy thác tư pháp nhận được.

Về công tác phối hợp giữa các cơ quan thực hiện tương trợ tư pháp, thực hiện quy định của Luật TTTP, Bộ Tư pháp, Bộ Ngoại giao, Tòa án nhân dân tối cao, Bộ Công an và Viện Kiểm sát nhân dân tối cao đã thiết lập được sự phối hợp trong công tác xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thực thi Luật, đàm phán, ký kết các Hiệp định tương trợ tư pháp về dân sự, tiếp nhận, chuyển giao, giải quyết các yêu cầu tương trợ tư pháp. Hiện nay, một mạng lưới các cơ quan, cán bộ làm công tác tương trợ tư pháp ở cấp trung ương đã dần được thiết lập và ngày càng tăng cường sự phối hợp, chia sẻ thông tin trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ được giao. Công tác tuyên truyền, phổ biến các quy định pháp luật tương trợ tư pháp đã bước đầu được thực hiện.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả bước đầu đáng khích lệ như trên, công tác tương trợ tư pháp vẫn còn những bất cập, hạn chế. Cụ thể như: (1) Đến nay các Bộ, ngành vẫn chưa xây dựng được Kế hoạch đàm phán các hiệp định tương trợ tư pháp dài hạn tổng thể cho các lĩnh vực. Bên cạnh đó, một số Hiệp định TTTP về dân sự đã được ký kết nhưng chậm hoàn tất các thủ tục nội bộ để Hiệp định có hiệu lực; (2) Công tác hoàn thiện thể chế còn chậm, một số văn bản hướng dẫn thi hành Luật Tương trợ tư pháp vẫn chưa được ban hành khiến cho hoạt động tương trợ tư pháp thiếu cơ sở pháp lý nên khó khăn trong quá trình thực hiện; (3) Công tác quản lý nhà nước thống nhất về tương trợ tư pháp vẫn chưa thực sự hiệu quả. Các Bộ ngành chưa có đầu tư và quan tâm đúng mức cho công tác tương trợ tư pháp trong nội bộ ngành và trong phối hợp với Bộ ngành khác, chậm xử lý những vấn đề thực tiễn đặt ra. Bộ Tư pháp vẫn chưa phát huy tốt, hiệu quả vai trò là cơ quan giúp Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về tương trợ tư pháp. Đối với các cơ quan trực tiếp thực hiện tương trợ tư pháp, như các tòa án nhân dân cấp tỉnh hay cơ quan thi hành án dân sự tỉnh, Viện kiểm sát các cấp, các cơ quan tiến hành tố tụng... thì sự quan tâm tới công tác tổ chức triển khai nhiệm vụ này còn tùy

thuộc vào địa phương, nhưng nhìn chung còn chưa bài bản, chuyên nghiệp; (4) Một số nội dung quản lý nhà nước đã được quy định cụ thể trong Luật TTTP, Nghị định 92/2008/NĐ-CP nhưng chưa được triển khai trên thực tế như công tác kiểm tra việc thực hiện các yêu cầu tương trợ tư pháp, tổ chức họp liên ngành, định kỳ để trao đổi thông tin, thảo luận, quyết định các biện pháp phối hợp giải quyết khó khăn, vướng mắc trong việc thực hiện tương trợ tư pháp. Công tác kiểm tra việc thực hiện hoạt động tương trợ tư pháp chưa được thực hiện. Tình trạng này đã ảnh hưởng không nhỏ tới việc nắm bắt tình hình, kịp thời đề xuất các biện pháp giải quyết khó khăn, vướng mắc trong hoạt động tương trợ tư pháp, ảnh hưởng tới hiệu quả công tác quản lý nhà nước về tương trợ tư pháp; và (5) Công tác tuyên truyền, phổ biến các quy định pháp lý trong nước và quốc tế về tương trợ tư pháp, hoạt động tập huấn và hướng dẫn nghiệp vụ về tương trợ tư pháp cho các cơ quan thực hiện chưa được quan tâm đúng mức.

Hoạt động tương trợ tư pháp gồm nhiều nội dung từ xây dựng văn bản pháp luật, đàm phán ký kết các hiệp định, thực hiện ủy thác tư pháp và quản lý nhà nước trong lĩnh vực này đến theo dõi thực thi pháp luật. Bên cạnh đó, công tác tương trợ tư pháp liên quan đến nhiều Bộ, ngành, từ cấp trung ương đến địa phương, từ các cơ quan quản lý nhà nước, xây dựng chính sách đến cơ quan trực tiếp thực thi pháp luật. Hiệu quả của hoạt động tương trợ tư pháp tác động trực tiếp đến công tác xét xử, điều tra, thi hành án của các cơ quan nhà nước ta và tác động trực tiếp đến quyền lợi hợp pháp của các cá nhân, tổ chức có liên quan. Vì vậy, việc nâng cao hiệu quả của công tác tương trợ tư pháp là nhu cầu cấp thiết của sự phát triển, là nhiệm vụ đặt ra đối với các cơ quan có liên quan, đòi hỏi các Bộ, ngành, cơ quan có liên quan ở các cấp cần triển khai đồng bộ và hiệu quả các giải pháp.

Trong bối cảnh nêu trên và trong khuôn khổ Dự án “Tăng cường tiếp cận công lý và bảo vệ quyền tại Việt Nam”, Tiểu Dự án Vụ Hợp tác quốc tế chịu trách nhiệm triển khai hoạt động “Nghiên cứu đánh giá các chức năng và trách nhiệm chính của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền và cơ chế phối hợp giữa các cơ quan này



trong việc thi hành pháp luật về tương trợ tư pháp”.

Mục tiêu chung của hoạt động nghiên cứu là nhằm hỗ trợ Bộ Tư pháp đánh giá một cách tổng thể và toàn diện về chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan nhà nước và cơ chế phối hợp giữa các Bộ, ngành, cơ quan có liên quan trong quá trình triển khai công tác tương trợ tư pháp theo quy định của Luật Tương trợ tư pháp, từ đó đưa ra các đề xuất, khuyến nghị nhằm nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật về tương trợ tư pháp./.

Trên cơ sở đánh giá thực trạng công tác tương trợ tư pháp, Báo cáo đã đưa ra một số đề xuất, kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả thực thi pháp

luật về tương trợ tư pháp liên quan đến các nhóm nội dung sau: (i) Về công tác xây dựng, hoàn thiện pháp luật về tương trợ tư pháp; (ii) Về công tác điều ước quốc tế; (iii) Về công tác thực hiện uỷ thác tư pháp; (iv) Về quản lý nhà nước; và (v) Về tổ chức và cơ chế phối hợp./.

**Đầu mối liên hệ: Bùi Hương Quế, Phòng Tương trợ tư pháp, Vụ Hợp tác quốc tế, Bộ Tư pháp, điện thoại: 62739532, email: [quebh@moj.gov.vn](mailto:quebh@moj.gov.vn)**

***Nghiên cứu đang tiến hành:***  
**Nghiên cứu về quy định chi tiết và hoàn thiện quy trình xem xét, quyết định áp dụng các biện pháp xử lý vi phạm hành chính trong Luật Xử lý vi phạm hành chính**

**L**uật Xử lý vi phạm hành chính đã được Quốc hội thông qua ngày 20 tháng 6 năm 2012, trong đó, các biện pháp xử lý hành chính là một nội dung lớn, quan trọng. Đây là những biện pháp hạn chế quyền tự do của công dân, áp dụng đối với cá nhân có hành vi vi phạm pháp luật về an ninh, trật tự, an toàn xã hội nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự, bao gồm biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn; đưa vào trường giáo dưỡng; đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc và đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc. Thẩm quyền quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn vẫn được giữ nguyên là Chủ tịch UBND cấp xã như Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính 2002.<sup>3</sup> Các biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng, đưa vào cơ sở

giáo dục bắt buộc và đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc sẽ do Tòa án nhân dân quyết định.<sup>4</sup>

Ngoài thẩm quyền quyết định biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn được giữ nguyên là Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện như Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính, việc giao cho cơ quan tư pháp xem xét, quyết định áp dụng các biện pháp xử lý hành chính là một vấn đề hoàn toàn mới, mang tính cải cách đột phá trong pháp luật Việt Nam. Sự thay đổi về thẩm quyền này dẫn đến sự thay đổi lớn về quy trình áp dụng. Ngay cả biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn, mặc dù không có sự thay đổi về thẩm quyền, song thủ tục cũng có những thay đổi để bảo đảm công khai, minh bạch và dân chủ; bảo đảm cho người bị xem xét, áp dụng biện pháp xử lý hành chính và đại diện hợp pháp của họ có cơ hội được giải thích, biện hộ, bảo vệ quyền và lợi ích của mình.

<sup>3</sup> Nội dung quy định này của Luật sẽ có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2013.

<sup>4</sup> Các quy định của luật liên quan đến việc áp dụng ba biện pháp này sẽ có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2014

Các quy định của Luật về các biện pháp xử lý hành chính mới chỉ dừng lại ở mức độ chung, cần được quy định chi tiết trong các văn bản của Chính phủ về quy trình lập hồ sơ tại cơ quan hành chính (trước khi chuyển sang Tòa án), quy định về chế độ áp dụng các biện pháp xử lý hành chính, trong văn bản của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về quy trình xem xét, áp dụng tại Tòa án nhân dân. Quy trình áp dụng các biện pháp xử lý hành chính, đặc biệt là quy trình xem xét, quyết định tại Tòa án sẽ được quy định như thế nào là một thách thức lớn trong quá trình xây dựng các văn bản quy định chi tiết các nội dung của Luật.

Trong khuôn khổ Dự án “Tăng cường tiếp cận công lý và bảo vệ quyền tại Việt Nam” do UNDP tài trợ, Vụ Pháp luật hình sự, hành chính Bộ Tư pháp tổ chức nhóm chuyên gia triển khai thực hiện nghiên cứu về quy định chi tiết và hoàn thiện quy trình xem xét, quyết định áp dụng các biện pháp xử lý hành chính trong Luật xử lý vi phạm hành chính.

Mục tiêu của nghiên cứu là nhằm Nghiên cứu, đề xuất quy trình xem xét, quyết định và thực thi các biện pháp xử lý hành chính từ giai đoạn lập hồ sơ, xem xét, quyết định tại Tòa án nhân dân và thực thi quyết định của Tòa án, chế độ áp dụng các biện pháp xử lý hành chính.

Kết quả nghiên cứu sẽ được sử dụng làm tài liệu tham khảo đối với: (1) Việc soạn thảo nghị định quy định chi tiết Luật Xử lý vi phạm hành chính; (2) Việc soạn thảo nghị định quy định chi

tiết về trình tự, thủ tục lập hồ sơ đề nghị tại cơ quan hành chính; (3) Việc soạn thảo văn bản quy định trình tự, thủ tục xem xét, quyết định áp dụng các biện pháp xử lý hành chính tại Tòa án nhân dân; (4) Việc soạn thảo nghị định quy định chi tiết chế độ áp dụng các biện pháp xử lý hành chính./.

Trên cơ sở nghiên cứu về quy định chi tiết quy trình xem xét, quyết định áp dụng các biện pháp xử lý hành chính trong Luật Xử lý vi phạm hành chính, Báo cáo nghiên cứu đã đưa ra những khuyến nghị, đề xuất về: (i) Quy trình xem xét, áp dụng các biện pháp xử lý hành chính do Tòa án nhân dân quyết định; (ii) Thẩm quyền xem xét, quyết định áp dụng các biện pháp xử lý hành chính; (iii) Tạm chấp nhận quan điểm cho rằng vì đây là biện pháp mang tính chất hành chính, không thuộc phạm vi xét xử của Tòa án, nên có thể quy định quy trình 1 thẩm phán xem xét, quyết định và phải chịu trách nhiệm về quyết định của mình; (iv) Quy trình xem xét, quyết định các biện pháp xử lý hành chính nên được mô phỏng theo quy trình tố tụng hình sự; và (v) Pháp lệnh cần quy định đầy đủ các nguyên tắc, quy trình đã nêu ở trên./.

**Đầu mối liên hệ:** Đào Thị Thu An, Phòng Pháp luật Hành chính, Vụ Pháp luật Hình sự - Hành chính, Bộ Tư pháp, điện thoại: 62739410, email: [andtt@moj.gov.vn](mailto:andtt@moj.gov.vn)

## **Nghiên cứu đang tiến hành: Nghiên cứu đánh giá tác động về giới của Dự án Luật hộ tịch**

**Đ**ăng ký hộ tịch là việc cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xác nhận, ghi vào sổ hộ tịch các sự kiện hộ tịch của cá nhân nhằm xác định tình trạng nhân thân của cá nhân đó. Các sự kiện hộ tịch cơ bản của mỗi cá nhân được đăng ký trong sổ hộ tịch bao gồm: khai sinh, kết hôn, ly hôn, khai tử, nuôi con nuôi, giám hộ, thay đổi, cải

chính hộ tịch, xác định lại dân tộc, xác định lại giới tính ... Đăng ký và quản lý hộ tịch có ý nghĩa quan trọng để Nhà nước thực hiện quản lý dân cư và quản lý các mặt kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh, đồng thời tạo cơ sở pháp lý để Nhà nước công nhận và bảo hộ các quyền nhân thân phi tài sản và quyền nhân thân gắn liền với tài sản của cá nhân.

Trong hệ thống pháp luật Việt Nam, pháp luật về hộ tịch - với tính chất là luật hình thức - có mối quan hệ mật thiết với luật dân sự, luật hôn nhân và gia đình - với tính chất là luật nội dung. Pháp luật dân sự và pháp luật hôn nhân - gia đình là tiền đề để xây dựng quy phạm về thủ tục đăng ký hộ tịch, ngược lại, pháp luật về hộ tịch là cơ chế để bảo đảm thực hiện một số quyền dân sự của cá nhân được quy định trong Bộ luật dân sự, Luật Hôn nhân và gia đình, đồng thời cũng là cơ chế để bảo đảm sự bình đẳng trong việc thực hiện các quyền dân sự đó. Các quy định về thủ tục đăng ký kết hôn; khai sinh; giám hộ; nhận cha, mẹ, con; thay đổi, cải chính hộ tịch... trong Dự án Luật có vai trò quan trọng trong việc bảo đảm bình đẳng giới (bình đẳng về quyền kết hôn, quyền lựa chọn quốc tịch, quyền lựa chọn nơi cư trú, bình đẳng trong việc quyết định khai sinh cho con, trong đó có việc xác định dân tộc, quốc tịch, họ tên, nơi cư trú, quyền đối với họ tên, quyền bảo đảm bí mật đời tư...).

Với sự đa dạng về phong tục, tập quán của các dân tộc, cho đến nay đời sống hôn nhân và gia đình Việt Nam vẫn bị tác động mạnh mẽ bởi hệ thống luật tục, phong tục tập quán, đặc biệt là đối với khu vực đồng bào dân tộc thiểu số. Từ đó, vẫn tồn tại những quan niệm truyền thống, phong tục tập quán thể hiện tư tưởng “trọng nam khinh nữ”, đánh giá thấp vai trò, địa vị của phụ nữ và trẻ em gái; ngược lại, cũng có những quan niệm chưa thỏa đáng về địa vị, vai trò của người cha, người chồng trong mối quan hệ với con cái. Do đó, việc lồng ghép để bảo đảm vấn đề bình đẳng giới trong các thủ tục đăng ký hộ tịch có vai trò rất quan trọng để hạn chế và triệt tiêu những ảnh hưởng tiêu cực của các quan niệm, nhận thức lạc hậu nêu trên.

Phạm vi tác động xã hội và đối tượng áp dụng các quy phạm thủ tục đăng ký hộ tịch trong Dự án Luật là rộng (về mặt hình thức, hệ thống quy định pháp luật về hộ tịch tác động tới mọi chủ

thể trong xã hội); do đó, các thủ tục trong Dự án Luật được xây dựng trên cơ sở không phân biệt giới, là các chuẩn mực chung cho cả nam và nữ. Tuy nhiên, do các đặc trưng giới tính và các điều kiện, hoàn cảnh sống khác nhau nên hiệu quả và hậu quả tác động của quy phạm đối với mỗi giới cũng có sự khác nhau. Bởi vậy, việc xây dựng quy phạm không phân biệt đối xử về giới vẫn không tránh khỏi việc tiềm ẩn những vấn đề bất bình đẳng giới đối với nam hoặc nữ.

Từ nhận thức nêu trên, nên trong quá trình xây dựng dự thảo Luật Hộ tịch, vấn đề bảo đảm bình đẳng giới là một nguyên tắc chỉ đạo xuyên suốt. Việc nhận diện và giải quyết vấn đề giới bằng các biện pháp lập pháp đã được thực hiện khá triệt để, tạo nên những bước cải cách rõ nét và có tính khả thi so với cơ chế hiện hành quy định tại Nghị định 158/2005/NĐ-CP ngày 27/12/2005 của chính phủ về đăng ký và quản lý hộ tịch.

Trong khuôn khổ Dự án “Tăng cường tiếp cận công lý và bảo vệ quyền tại Việt Nam” do UNDP tài trợ, Ban Vì sự tiến bộ phụ nữ ngành Tư pháp, Bộ Tư pháp, tiến hành nghiên cứu đánh giá tác động của giới trong Dự án Luật hộ tịch. Mục tiêu của nghiên cứu là nhằm phân tích tác động của giới đối với Dự án Luật hộ tịch, bảo đảm nguyên tắc bình đẳng giới trong Dự án Luật hộ tịch và qua đó bảo đảm quyền con người và quyền phụ nữ được quy định trong pháp luật trong nước và các công ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên; và nhằm thí điểm áp dụng Bộ công cụ đánh giá về giới trong quá trình xây dựng luật./.

**Đầu mối liên hệ: Trần Thị Hương, Ban Vì sự tiến bộ phụ nữ ngành Tư pháp, Bộ Tư pháp, điện thoại: 62739366, email: [huongtt@moj.gov.vn](mailto:huongtt@moj.gov.vn)**

## ***Nghiên cứu đang tiến hành:***

**Nghiên cứu sửa đổi Bộ luật hình sự liên quan đến việc hình sự hóa tội tham nhũng nhằm khắc phục những hạn chế trong việc triển khai các Công ước của Liên Hợp Quốc về phòng, chống tham nhũng của Việt Nam**

**T**ham nhũng là một loại tội phạm hết sức nguy hiểm có tính truyền thống và hiện nay đang trở nên phổ biến ở nhiều quốc gia, đặc biệt tại những nước đang phát triển hay chuyển đổi nền kinh tế thì biểu hiện của loại tội phạm này càng rõ ràng hơn. Tính nguy hiểm của loại tội phạm này thể hiện ở chỗ nó làm phương hại nghiêm trọng đến lợi ích quốc gia, đến sự thụ hưởng các quyền và lợi ích của người nghèo, làm xói mòn niềm tin của người dân đối với nhà nước. Đây chính là một trong những nguyên nhân trực tiếp dẫn đến sự gia tăng sự bất công trong xã hội.

Trong quan hệ quốc tế, sự gia tăng tội phạm tham nhũng chính là biểu hiện của sự tha hóa quyền lực, làm giảm niềm tin của các đối tác, hạn chế việc thu hút các nguồn đầu tư vào các dự án. Càng nghiêm trọng hơn khi mà trong xu thế toàn cầu hoá, các tội phạm tham nhũng đang dần trở thành loại tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia. Do đó, trong hệ thống pháp luật của mỗi quốc gia cần phải có những biện pháp nghiêm khắc, mạnh mẽ để ngăn chặn, trừng trị tội phạm tham nhũng.

Nhận thức được mối hiểm họa cao của loại tội phạm, Bộ luật hình sự (BLHS) đã dành riêng một mục riêng (mục A) trong chương XXI. Các tội phạm về chức vụ với 7 điều luật để quy định về các tội phạm tham nhũng. Tuy nhiên, điểm hạn chế nổi bật nhất là BLHS hiện hành chỉ mới quy định các tội tham nhũng trong lĩnh vực công của Nhà nước Việt Nam mà chưa đề cập đến các hành vi tham nhũng trong lĩnh vực tư cũng như các hành vi hối lộ công chức nước ngoài, công chức của các tổ chức quốc tế, tổ chức phi Chính phủ... Đây là những hành vi cần phải được hình sự hoá theo yêu cầu của Công ước của Liên hợp quốc về chống tham nhũng (sau đây gọi tắt là Công ước chống tham nhũng) mà Việt Nam

đã ký từ ngày 10/12/2003 và phê chuẩn năm 2009.

Để thực hiện Công ước này, ngày 07/4/2010, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 445/QĐ-TTg phê duyệt Kế hoạch thực hiện Công ước chống tham nhũng, trong đó có nội dung nội luật hóa các quy định về hình sự của Công ước theo hướng nghiên cứu, đề xuất xử lý bằng biện pháp hình sự đối với hành vi đưa và nhận tiền, hoặc lợi ích vật chất khác có liên quan đến công chức nước ngoài, công chức của tổ chức quốc tế, tổ chức phi Chính phủ vì mục đích vụ lợi; nghiên cứu, bổ sung hành vi tham nhũng trong lĩnh vực tư (đưa hối lộ, nhận hối lộ và tham ô tài sản); nghiên cứu khả năng bổ sung quy định pháp nhân là chủ thể của hành vi tham nhũng; hành vi làm giàu bất hợp pháp của công chức nếu có tài sản tăng lên đáng kể so với thu nhập bất hợp pháp.

Bên cạnh đó, hiện nay BLHS cũng đang được nghiên cứu sửa đổi toàn diện mà một trong những định hướng lớn là làm hài hòa các quy định của BLHS với các quy định của điều ước quốc tế mà nước ta là thành viên, trong đó có Công ước chống tham nhũng, góp phần tăng cường hợp tác quốc tế trong phòng, chống tội phạm.

Vì vậy, việc nghiên cứu, đánh giá các quy định của BLHS hiện hành của Việt Nam trên tinh thần các quy định của Công ước chống tham nhũng, đồng thời có sự so sánh với pháp luật của một số nước để từ đó đưa ra những đề xuất, kiến nghị hoàn thiện các quy định của BLHS liên quan đến các quy định về tội phạm tham nhũng là hết sức cần thiết. Kết quả nghiên cứu, đánh giá sẽ là nguồn tư liệu quan trọng, phục vụ trực tiếp cho việc sửa đổi, bổ sung các quy định của BLHS về tội phạm tham nhũng nhằm bảo đảm



việc thực thi các nghĩa vụ của quốc gia thành viên theo Công ước chống tham nhũng.

Trong khuôn khổ Dự án “Tăng cường tiếp cận công lý và bảo vệ quyền tại Việt Nam” do UNDP tài trợ, Vụ Pháp luật Hình sự - Hành chính, Bộ Tư pháp, tiến hành Nghiên cứu sửa đổi Bộ luật hình sự liên quan đến việc hình sự hóa tội tham nhũng nhằm khắc phục những hạn chế trong việc triển khai các Công ước của Liên Hợp Quốc về phòng, chống tham nhũng của Việt Nam.

Mục tiêu của nghiên cứu là nhằm Xem xét, đánh giá mức độ tương thích giữa các quy định của BLHS về tội phạm tham nhũng với Công ước

chống tham nhũng, đồng thời có sự so sánh với pháp luật một số nước, từ đó chỉ ra những điểm phù hợp những điểm còn hạn chế của pháp luật Việt Nam; và Đề xuất hoàn thiện các quy định của BLHS về tội phạm tham nhũng để tăng cường hiệu quả thực thi và phù hợp với yêu cầu của Công ước chống tham nhũng mà Việt Nam là thành viên./.

**Đầu mối liên hệ: Lê Thị Hoà, Vụ Pháp luật Hình sự - Hành chính, Bộ Tư pháp, điện thoại: 62739407, email: [hoalt@moj.gov.vn](mailto:hoalt@moj.gov.vn)**

## **Nghiên cứu đang tiến hành: Nghiên cứu hoàn thiện hệ thống chế tài hình sự hiện hành, tập trung vào giảm tội tử hình**

**H**ình phạt là biện pháp cưỡng chế nghiêm khắc nhất của Nhà nước nhằm tước bỏ hoặc hạn chế quyền, lợi ích của người phạm tội. Mục đích của hình phạt không chỉ nhằm trừng trị người phạm tội mà còn giáo dục họ trở thành người có ích cho xã hội, có ý thức tuân theo pháp luật và các quy tắc của cuộc sống xã hội chủ nghĩa, ngăn ngừa họ phạm tội mới. Hình phạt còn nhằm giáo dục người khác tôn trọng pháp luật, đấu tranh phòng ngừa và chống tội phạm.

Theo quy định tại Điều 28 của Bộ luật hình sự (BLHS) Việt Nam hiện hành, hệ thống hình phạt áp dụng đối với người phạm tội bao gồm 07 hình phạt chính (cảnh cáo, phạt tiền, cải tạo không giam giữ, trục xuất, tù có thời hạn, tù chung thân, tử hình), trong đó, hình phạt tử hình có thể áp dụng đối với một số trường hợp phạm tội đặc biệt nghiêm trọng được quy định tại một số tội phạm cụ thể. Ngoài các hình phạt chính, BLHS cũng quy định 07 hình phạt bổ sung (cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định; cấm cư trú; quản chế; tước một số quyền công dân; tịch thu tài sản; phạt tiền và trục xuất, khi không áp dụng là hình phạt chính)

mà Tòa án có thể áp dụng kèm theo hình phạt chính. Thông qua hệ thống chế tài này, BLHS đã góp phần bảo vệ an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.

Tuy nhiên, thực tiễn đấu tranh phòng, chống tội phạm cho thấy hệ thống hình phạt quy định tại BLHS hiện hành còn nhiều bất cập, ví dụ như: phạm vi áp dụng hình phạt tù quá rộng; phạm vi áp dụng các hình phạt không mang tính giam giữ còn hạn chế; hình phạt tử hình còn duy trì với nhiều loại tội phạm (hiện nay có 22 tội phạm cụ thể có mức cao nhất của khung hình phạt là tử hình, trong đó tội hiếp dâm trẻ em tại Điều 112 có hai khoản 3 và 4 quy định hình phạt tử hình; ...). Hơn nữa, trong những năm gần đây, tư tưởng nhân quyền, dân chủ, tư tưởng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa mà cốt lõi là đề cao quyền con người, quyền cơ bản của công dân, bảo đảm cho người dân được sống trong môi trường an toàn, bình an và lành mạnh ngày càng được phổ biến rộng rãi và được nhận thức rõ ràng hơn trong xã hội. Thêm vào đó, việc loại bỏ hình phạt tử hình ra khỏi hệ thống chế tài hình

sự đang là một xu hướng tương đối phổ biến tại nhiều quốc gia trên thế giới. Trong bối cảnh đó, việc duy trì hệ thống hình phạt nhằm đạt được mục đích giáo dục, phòng ngừa, đảm bảo sự phục hồi và tái hòa nhập cộng đồng của người phạm tội là thiết thực và phù hợp.

Do vậy, việc rà soát, đánh giá hệ thống hình phạt tập trung vào hệ thống hình phạt chính để tìm ra điểm bất cập, hạn chế, từ đó kịp thời đề xuất sửa đổi, bổ sung BLHS là hết sức cần thiết nhằm đảm bảo sự phù hợp với sự phát triển của xã hội, tăng cường hiệu quả giáo dục, cải tạo người phạm tội, phòng ngừa tái phạm, đồng thời bảo đảm sự phù hợp với xu thế chung của thế giới. Đặc biệt, trong bối cảnh việc nghiên cứu sửa đổi BLHS với dự kiến sửa đổi phải mang tính hiện đại, phù hợp với xu hướng phát triển chung của quốc tế, tăng cường bảo đảm quyền con người, quyền cơ bản của công dân, tiếp tục nhân đạo hóa thì việc nghiên cứu giảm khả năng áp dụng hình phạt tù, mở rộng phạm vi áp dụng các hình phạt không mang tính giam giữ, hạn chế phạm vi áp dụng hình phạt tử hình là cấp bách và phù hợp với điều kiện hiện nay. Điều này cũng hoàn toàn phù hợp với Nghị quyết số 49-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương ngày 02/6/2005 về chiến lược cải cách tư pháp, theo đó một trong những nhiệm vụ của cải cách tư pháp là “Giảm hình phạt tù, mở rộng áp dụng hình phạt tiền, hình phạt cải tạo không giam giữ đối với một số loại tội phạm. Hạn chế áp dụng hình phạt tử hình theo hướng chỉ áp dụng đối với một số ít loại tội phạm đặc biệt nghiêm trọng.

Giảm bớt khung hình phạt tối đa quá cao trong một số loại tội phạm”.

Trong khuôn khổ Dự án “Tăng cường tiếp cận công lý và bảo vệ quyền tại Việt Nam” do UNDP tài trợ, Vụ Pháp luật Hình sự - Hành chính, Bộ Tư pháp, tiến hành Nghiên cứu hoàn thiện hệ thống chế tài hình sự hiện hành, tập trung vào giảm tội tử hình.

Mục tiêu chung của hoạt động là đánh giá hệ thống hình phạt Việt Nam trong mối tương quan, so sánh với một số chuẩn mực quốc tế và pháp luật một số nước, để từ đó chỉ ra được những bất cập, hạn chế trong quy định hiện hành của BLHS; tìm hiểu hệ thống chế tài của một số quốc gia, từ đó đề xuất, kiến nghị hoàn thiện hệ thống chế tài hình sự để nâng cao hiệu quả áp dụng, phù hợp với xu thế chung của thời đại.

Mục tiêu cụ thể bao gồm: Thứ nhất, đánh giá tính tương thích giữa các quy định về chế tài hình sự của BLHS với các yêu cầu của Công ước quốc tế về áp dụng chế tài xử lý đối với người phạm tội mà Việt Nam là thành viên; phân tích những bất cập, hạn chế của BLHS hiện hành; Thứ hai, phân tích, giới thiệu khái quát về hệ thống chế tài của một số nước trên thế giới; và Thứ ba, đề xuất hoàn thiện hệ thống chế tài hình sự hiện hành, đặc biệt là giảm hình phạt tử hình./.

**Đầu mối liên hệ: Lê Thị Hoà, Vụ Pháp luật Hình sự - Hành chính, Bộ Tư pháp, điện thoại: 62739407, email: [hoalt@moj.gov.vn](mailto:hoalt@moj.gov.vn)**

### ***Nghiên cứu đang tiến hành: Nghiên cứu về vai trò của các tổ chức xã hội trong công tác giám sát việc thi hành pháp luật***

**T**ại Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI Đảng Cộng sản Việt Nam ngày 18 tháng 12 năm 1986 có ghi “Phát huy quyền làm chủ

tập thể của nhân dân lao động, nâng cao hiệu lực quản lý của Nhà nước xã hội chủ nghĩa. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, củng cố và phát huy vai trò của Mặt trận tổ quốc và các đoàn thể

quần chúng nhất là Công đoàn, Đoàn thanh niên cộng sản, Hội liên hiệp phụ nữ, Hội liên hiệp nông dân tập thể... Đổi mới nội dung và phương thức hoạt động của các tổ chức quần chúng, hướng mạnh về cơ sở, thu hút đông đảo nhân dân vào các phong trào cách mạng. Xây dựng đội ngũ giai cấp công nhân, giai cấp nông dân tập thể và tầng lớp trí thức xã hội chủ nghĩa, củng cố liên minh công nông và chăm lo giáo dục thế hệ trẻ, tăng cường khối đoàn kết toàn dân, đoàn kết các dân tộc, các tôn giáo. Thực hiện dân chủ xã hội chủ nghĩa, tôn trọng và bảo đảm quyền công dân; chống tệ quan liêu cửa quyền, ức hiếp quần chúng trong bộ máy lãnh đạo và quản lý các cấp. Thực hiện có nền nếp khẩu hiệu dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra; tất cả vì dân và do dân. Động viên và tổ chức quần chúng tham gia quản lý kinh tế, quản lý xã hội, tham gia các hoạt động cải cách kinh tế. Thông qua phong trào thi đua phát triển kinh tế - xã hội, đào tạo và rèn luyện con người mới, xây dựng những tập thể lao động mới, phát hiện và bồi dưỡng nhân tài".

Có thể nói, khẩu hiệu "Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra" đã trở thành phương châm hành động của các cơ quan, tổ chức của Đảng, các cơ quan Nhà nước từ Trung ương đến địa phương trong suốt một thời gian dài cho đến hiện nay. Phương châm hành động này luôn được nhấn mạnh và khẳng định tại các nghị quyết, báo cáo chính trị của Đảng trong các kỳ Đại hội VII, VIII, IX, X và XI sau này. Phương châm hành động này không chỉ phát huy tính dân chủ của nhân dân trong xã hội mà còn góp phần nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước đối với các mặt của đời sống kinh tế, xã hội, đặc biệt trong bối cảnh kinh tế, xã hội phát triển mạnh mẽ, tạo nên những thách thức không nhỏ đối với hoạt động quản lý nhà nước.

Trong hoạt động quản lý nhà nước về thi hành pháp luật, ngày 22/8/2008 Chính phủ ban hành Nghị định số 93/2008/NĐ-CP quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tư pháp và giao Bộ Tư pháp thực hiện chức năng quản lý nhà nước về công tác thi hành pháp luật, với hai nhiệm vụ cụ thể là theo dõi chung về tình hình thi hành pháp luật trong phạm vi cả nước; hướng dẫn, đôn đốc các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc

Trung ương trong công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật.

Chức năng quản lý nhà nước tuy được giao cho Bộ Tư pháp nhưng nhiệm vụ chung đối với việc theo dõi tình hình thi hành pháp luật là rất nặng nề và không chỉ của riêng Bộ Tư pháp mà là nhiệm vụ chung mà tất cả các Bộ, ngành, các địa phương trong cả nước. Kể cả khi nhiệm vụ này được giao cho tất cả các cơ quan nhà nước thì việc bảo đảm thi hành pháp luật, một lĩnh vực bao trùm các lĩnh vực của đời sống kinh tế, xã hội và diễn ra ở tất cả các cấp độ khác trong cuộc sống, cũng không thể thực hiện được nếu thiếu sự tham gia của nhân dân.

Sự tham gia của nhân dân không chỉ là trách nhiệm vào sự nghiệp chung mà đây còn là quyền được Đảng và Nhà nước bảo đảm thông qua phương châm hành động "Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra" nêu trên, qua đó cũng bảo đảm được hiệu quả quản lý nhà nước trong lĩnh vực đầy thách thức này. Tại tập 12 trang 212 Hồ Chí Minh toàn tập, trong "Bài nói chuyện tại lớp bồi cán bộ lãnh đạo cấp huyện" ngày 18 tháng 01 năm 1967, Bác Hồ nói: "Các đồng chí ở Quảng Bình nói rất đúng: Dễ 10 lần không dân cũng chịu; Khó trăm lần dân liệu cũng xong".

Trên thực tế, việc nghiên cứu vai trò của tổ chức, cá nhân trong quản lý nhà nước nói chung và trong việc theo dõi tình hình thi hành pháp luật nói riêng đã được tiến hành nhiều cơ quan, tổ chức thực hiện trước đây. Đối với việc nghiên cứu về chức năng quản lý nhà nước về thi hành pháp luật và nhiệm vụ theo dõi tình hình thi hành pháp luật, Chương trình phát triển Liên hợp quốc (UNDP) cũng đã hỗ trợ cho các chuyên gia thực hiện hoạt động xây dựng Báo cáo nghiên cứu triển khai nhiệm vụ theo dõi chung thi hành pháp luật của Bộ Tư pháp trong khuôn khổ Dự án VIE/02/015. Từ kết quả nghiên cứu, Bộ Tư pháp đã xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ ký Quyết định số 1987/QĐ-TTg phê duyệt Đề án "Triển khai thực hiện công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật". Đồng thời ngày 03/3/2010, Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành Thông tư số 03/2010/TT-BTP hướng dẫn thực hiện công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật. Các văn bản này là cơ sở pháp lý ban đầu để thực hiện nhiệm vụ theo dõi tình hình thi hành pháp luật.

Tiếp nối hoạt động nghiên cứu này, trong bối cảnh ngày 23/7/2012, Chính phủ ban hành Nghị định số 59/2012/NĐ-CP quy định về theo dõi tình hình thi hành pháp luật. Nghị định số 59/2012/NĐ-CP có 5 Chương, 20 Điều, quy định cụ thể về nội dung theo dõi tình hình thi hành pháp luật, hoạt động theo dõi tình hình thi hành pháp luật và trách nhiệm của các cơ quan nhà nước trong công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật. Nghị định số 59/2012/NĐ-CP quy định “Huy động sự tham gia của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp và nhân dân” là một trong năm nguyên tắc cơ bản trong theo dõi tình hình thi hành pháp luật. Sự tham gia của tổ chức, cá nhân không chỉ được quy định tại Điều 4 của Nghị định mà còn được cụ thể hoá ở nhiều điều, khoản trong Nghị định, chẳng hạn như quy định tại Điều 6 về “Sự tham gia của các tổ chức, cá nhân trong hoạt động theo dõi tình hình thi hành pháp luật”, Điều 11 về “Thu thập thông tin về tình hình thi hành pháp luật”.

Được sự hỗ trợ của Dự án “Tăng cường tiếp cận công lý và bảo vệ quyền tại Việt Nam” do UNDP tài trợ, Vụ Các vấn đề chung về xây dựng pháp luật đã tổ chức nhóm chuyên gia tiến hành nghiên cứu và làm rõ hơn vai trò của tổ chức và cá nhân trong theo dõi tình hình thi hành pháp luật là rất cần thiết, trên cơ sở đó, tiếp tục để có thể cụ thể hoá cơ chế tham gia của tổ chức, cá nhân trong hoạt động theo dõi tình hình thi hành pháp luật.

Sau một thời gian ngắn, Nhóm chuyên gia đã hoàn thành báo cáo đánh giá với chất lượng tốt, báo cáo tập trung vào các nội dung chính sau đây:

**1. Nội dung liên quan đến vai trò của tổ chức, cá nhân trong theo dõi tình hình thi hành pháp luật tại Việt Nam:** Theo quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam, việc phân loại các tổ chức chưa được quy định thống nhất (điều này sẽ được phân tích kỹ hơn ở phần sau), nhất là các quy định cụ thể liên quan đến trách nhiệm của tổ chức trong việc tham gia quản lý nhà nước nói chung và trong việc bảo đảm thi hành pháp luật nói riêng. Chính vì vậy, trong điều kiện nguồn lực của Dự án, nghiên cứu này không thể rà soát hết tất cả các loại hình tổ chức được nêu trong Phần I của Báo cáo

mà sẽ lựa chọn, phân tích một vài tổ chức đặc thù và có vai trò tương đối rõ theo quy định của pháp luật trong việc tham gia quản lý nhà nước, cụ thể là chủ yếu tập trung phân tích sự tham gia của Mặt trận tổ quốc Việt Nam và Phòng Thương mại và công nghiệp Việt Nam, để nêu và phân tích ở phần đánh giá vai trò của các tổ chức này trong việc tham gia quản lý nhà nước và theo dõi tình hình thi hành pháp luật. Về cá nhân, các quy định pháp luật không quy định cụ thể vai trò của cá nhân trong việc tham gia theo dõi thi hành pháp luật mà chỉ quy định cho cá nhân dưới một số tư cách cụ thể, chẳng hạn như đại biểu quốc hội, cử tri... vì vậy, Báo cáo nghiên cứu cũng sẽ căn cứ vào quy định pháp luật cụ thể để lựa chọn, phân tích làm rõ sự tham gia của cá nhân trong các tư cách này. Điều này cũng hoàn toàn phù hợp với nguồn lực hỗ trợ của Dự án cho hoạt động nghiên cứu.

**2. Nội dung liên quan đến kinh nghiệm một số nước trên thế giới về vai trò của tổ chức, cá nhân trong việc bảo đảm thi hành pháp luật và/hoặc theo dõi tình hình thi hành pháp luật:** Với điều kiện hỗ trợ kinh phí của Dự án cho nội dung nghiên cứu liên quan đến kinh nghiệm nước ngoài, theo sự đề xuất của chuyên gia, trao đổi với các cơ quan, tổ chức có liên quan, các nước sẽ được lựa chọn, nghiên cứu và đưa vào trong nội dung báo cáo là Phi-lip-pin, Trung Quốc và Vương quốc Anh. Trong đó, Phi-lip-pin đại diện cho các quốc gia đang phát triển và ở Đông Nam Á; Trung Quốc đại diện cho các quốc gia có nền kinh tế chuyển đổi và ở Châu Á; Vương Quốc Anh đại diện cho các quốc gia phát triển, ở Châu Âu và đại diện cho hệ thống pháp luật án lệ. Đối với nội dung nghiên cứu của từng quốc gia, nghiên cứu sẽ phân tích các nội dung cụ thể sau: (1) Vai trò của tổ chức trong theo dõi tình hình thi hành pháp luật theo quy định pháp luật hiện hành và theo quy tắc/điều lệ của các tổ chức đó; (2) Vai trò của cá nhân trong theo dõi tình hình thi hành pháp luật theo quy định pháp luật hiện hành; và (3) Hình thức tham gia, đóng góp của tổ chức, cá nhân trong quản lý nhà nước, theo dõi thi hành pháp luật và các hoạt động khác của nhà nước, tập trung vào



các hoạt động bảo đảm thi hành pháp luật, nâng cao hiệu quả thi hành pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật.

**3. Kiến nghị chung:** Bên cạnh nội dung nghiên cứu tách biệt giữa các quy định hiện hành và thực tiễn của Việt Nam trong công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật với kinh nghiệm của một số nước liên quan đến công tác này, Báo cáo nghiên cứu sẽ có một phần kiến nghị chung xuất phát từ thực tiễn nghiên cứu từ các quy định của Việt Nam và của các nước. Nội dung kiến nghị này bao gồm: (1) Đánh giá khả năng áp dụng kinh nghiệm của nước ngoài về vai trò của tổ chức, cá nhân trong việc bảo đảm thi hành pháp luật vào thực hiện của Việt Nam; (2) Kiến nghị cơ chế phối hợp hiệu quả giữa cơ quan nhà nước và tổ chức, cá nhân trong việc quản lý nhà nước và theo dõi tình

hình thi hành pháp luật; và (3) Kiến nghị hoàn thiện cơ sở pháp lý cho việc tham gia của tổ chức, cá nhân tham gia quản lý nhà nước nói chung và theo dõi tình hình thi hành pháp luật nói riêng.

Hy vọng rằng, Báo cáo nghiên cứu này là một nguồn thông tin hữu ích, góp phần tăng cường và hoàn thiện cơ chế theo dõi thi hành pháp luật tại Việt Nam.

**Đầu mối liên hệ: Nguyễn Hồng Tuyền, Vụ trưởng Vụ Các vấn đề chung về xây dựng pháp luật kiêm Giám đốc Tiểu dự án, Bộ Tư pháp, điện thoại: 62739383, email: [tuyennh@moj.gov.vn](mailto:tuyennh@moj.gov.vn)**

## **Nghiên cứu đang tiến hành: Nghiên cứu về sửa đổi, bổ sung Bộ luật tố tụng hình sự**

**V**iệt Nam đang tích cực triển khai thực hiện Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020 (Nghị quyết 49-NQ/TW). Một trong những nội dung ưu tiên của cải cách tư pháp ở Việt Nam là “coi trọng việc hoàn thiện chính sách hình sự và thủ tục tố tụng tư pháp” với các mục tiêu bảo đảm tính đồng bộ, dân chủ, công khai, minh bạch, tôn trọng và bảo vệ quyền con người.

Bên cạnh những kết quả đạt được, thực tiễn thi hành Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 đã bộc lộ một số hạn chế, vướng mắc như : vấn đề phân định rành mạch các chức năng cơ bản của tố tụng hình sự (chức năng buộc tội - chức năng bào chữa - chức năng xét xử); quy định về vai trò, thẩm quyền, sự phân công phối hợp, kiểm soát giữa các cơ quan, các cấp tiến hành tố tụng; quy định các cơ chế để bảo đảm cho quá trình tiến hành tố tụng được công khai, minh bạch, dân chủ... Bên cạnh

đó, một số chủ trương lớn của cải cách tư pháp như : nâng cao chất lượng tranh tụng tại phiên tòa, tăng cường công tố trong hoạt động điều tra... chưa được nghiên cứu toàn diện và chưa được thể chế hóa đầy đủ trong Bộ luật tố tụng hình sự. Hiện nay, Viện kiểm sát nhân dân tối cao đang chủ trì phối hợp cùng với các cơ quan có liên quan xây dựng Bộ luật tố tụng hình sự (sửa đổi). Trong thời gian qua, đã có nhiều nghiên cứu liên quan đến việc đánh giá thực trạng thi hành Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 cũng như đề xuất những vấn đề cần sửa đổi, bổ sung Bộ luật tố tụng hình sự đã ban hành cho phù hợp với yêu cầu cải cách tư pháp do nhiều cơ quan, đơn vị, tổ chức khác nhau thực hiện. Việc hệ thống hóa, phân tích, đánh giá những phương án đề xuất trong các nghiên cứu đó để đưa ra kiến nghị sửa đổi, bổ sung Bộ luật Tố tụng hình sự là rất cần thiết.

Trong khuôn khổ Dự án “Tăng cường tiếp cận công lý và bảo vệ quyền tại Việt Nam” do UNDP tài trợ, Ban Nội chính Trung ương tổ chức hoạt động nghiên cứu chuyên sâu về sửa đổi Bộ luật tố tụng hình sự nhằm bảo đảm các quy định của Bộ luật phù hợp với Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020.

Mục tiêu chung của hoạt động là tiến hành nghiên cứu về sửa đổi, bổ sung một số quy định trong Bộ luật tố tụng hình sự hiện hành đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp đối với các cơ quan được giao thực hiện nhiệm vụ này. Báo cáo này sau khi nghiệm thu sẽ là tài liệu tham khảo giúp Ban Nội chính Trung ương trong quá trình nghiên cứu, thẩm định Bộ luật tố tụng hình sự (sửa đổi) để trình các cơ quan

thẩm quyền xem xét, quyết định, đảm bảo đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp đã được ghi nhận trong các nghị quyết của Đảng, góp phần xây dựng nhà nước pháp quyền XHCN và hội nhập quốc tế; đồng thời, cụ thể hoá những nội dung quan trọng trong Nghị quyết 49-NQ/TW của Bộ Chính trị về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020.

**Đầu mối liên hệ: Nguyễn Thị Hoài Bắc,**  
**Ban Nội chính Trung ương, điện thoại:**  
**0989921579, email:**  
[\*\*hoaic1@gmail.com\*\*](mailto:hoaic1@gmail.com)

## Hội thảo về Nghiên cứu quy trình áp dụng các biện pháp xử lý hành chính (21-22/3/2013)

**N**gày 21-22/3/2013, với sự hỗ trợ của Dự án “Tăng cường tiếp cận công lý và bảo vệ quyền tại Việt Nam” (do UNDP tài trợ), Vụ Pháp luật Hình sự - Hành chính, Bộ Tư pháp, đã tổ chức Hội thảo về Nghiên cứu quy trình áp dụng các biện pháp xử lý hành chính tại Hà Nội. Hội thảo đã được sự quan tâm và tham gia của đông đảo đại biểu là thành viên Ban soạn thảo, Tổ Biên tập Pháp lệnh quy trình áp dụng các biện pháp xử lý hành chính, Văn phòng Chính phủ, Bộ Lao động Thương binh và Xã hội, Toà án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Ủy ban Pháp luật và Ủy ban Tư pháp của Quốc hội, Vụ Pháp luật Văn phòng Quốc hội và các đại biểu địa phương là đại diện các cơ quan trực tiếp thực hiện quy trình áp dụng các biện pháp xử lý hành chính tại địa phương.

Các biện pháp xử lý hành chính là một nội dung lớn, quan trọng của Luật Xử lý vi phạm hành chính. Đây là những biện pháp hạn chế quyền tự do của công dân, áp dụng đối với cá nhân có hành vi vi phạm pháp luật về an ninh,

trật tự, an toàn xã hội nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự. Theo quy định của Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính hiện hành, thẩm quyền quyết định các biện pháp này là người đứng đầu các cơ quan hành chính ở địa phương (Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp) với quy trình xem xét áp dụng chưa thực sự bảo đảm công khai, chưa có sự tham gia của người bị áp dụng các biện pháp này cũng như người đại diện, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của họ.

Trong bối cảnh định hướng của Đảng Cộng sản và Nhà nước Việt Nam về xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật trong những năm gần đây đặc biệt nhấn mạnh đến việc xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật về bảo đảm quyền con người, quyền tự do, dân chủ của công dân; yêu cầu thực hiện các công ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên, vấn đề thẩm quyền quyết định áp dụng các biện pháp xử lý hành chính được dự kiến chuyển sang cơ quan tư pháp. Trong quá trình soạn thảo, vấn đề thẩm quyền áp dụng các biện pháp xử lý hành chính chưa đạt

được sự đồng thuận của các cơ quan có liên quan. Vì lý do này, Chính phủ đã xin Quốc hội cho ý kiến về việc chuyển thẩm quyền áp dụng các biện pháp xử lý hành chính từ cơ quan hành chính sang cơ quan tư pháp. Dự thảo Luật Xử lý vi phạm hành chính đã được các đại biểu Quốc hội khóa XIII thảo luận tại kỳ họp thứ 2 với đa số ý kiến nhất trí giao thẩm quyền quyết định áp dụng các biện pháp xử lý hành chính cho Tòa án nhân dân. Trình tự, thủ tục xem xét, quyết định áp dụng các biện pháp này tại Tòa án mới chỉ được quy định là thủ tục rút gọn và được giao cho Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định chi tiết.

Việc cơ quan tư pháp xem xét, quyết định áp dụng các biện pháp xử lý hành chính là một vấn đề hoàn toàn mới, mang tính cải cách đột phá trong pháp luật Việt Nam. Quy trình áp dụng các biện pháp xử lý hành chính sẽ được quy định như thế nào là một thách thức lớn trong quá trình soạn thảo các văn bản quy định chi tiết các nội dung của Luật cũng như các điều kiện bảo đảm thi hành.

Các quy định của Luật về các biện pháp xử lý hành chính mới chỉ dừng lại ở mức độ chung,

cần được quy định chi tiết trong các văn bản của Chính phủ về quy trình lập hồ sơ tại cơ quan hành chính (trước khi chuyển sang Tòa án), về việc thi hành và chế độ áp dụng các biện pháp xử lý hành chính.

Trong năm 2012, Vụ Pháp luật Hình sự - Hành chính đã tiến hành thuê chuyên gia trong nước và chuyên gia quốc tế tiến hành Nghiên cứu việc quy định chi tiết và hoàn thiện quy trình xem xét, quyết định áp dụng các biện pháp xử lý hành chính trong Luật Xử lý vi phạm hành chính.

Mục đích của hội thảo là nhằm lấy ý kiến rộng rãi các chuyên gia trong nước và quốc tế hoàn thiện Báo cáo và chia sẻ thông tin về việc soạn thảo các văn bản quy định chi tiết có liên quan đến kết quả nghiên cứu./.

**Đầu mối liên hệ:** Đào Thị Thu An, Vụ Pháp luật Hình sự - Hành chính, Bộ Tư pháp, điện thoại: 627395410, email: [andtt@moj.gov.vn](mailto:andtt@moj.gov.vn)

## Hội thảo Nghiên cứu khảo sát Quản lý hành chính toà án tại Việt Nam (01/04/2013)

**N**gày 01/04/2013, với sự hỗ trợ của Dự án “Tăng cường tiếp cận công lý và bảo vệ quyền tại Việt Nam” (do UNDP tài trợ), Văn phòng Ban Chỉ đạo Cải cách tư pháp Trung ương đã tổ chức Hội thảo Nghiên cứu khảo sát quản lý toà án tại Việt Nam tại Đà Nẵng.

Nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống toà án Việt Nam, Nghị quyết số 49-NQ/TW, ngày 02-6-2005 của Bộ Chính trị “Về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020” đã đề ra chủ trương đổi mới tổ chức và hoạt động của hệ thống toà án nhân dân. Theo đó, “Toà án có vị trí trung tâm, xét xử là hoạt động trọng tâm”; “khi xét xử, thẩm phán

và hội thẩm độc lập và chỉ tuân theo pháp luật”. Thực hiện chủ trương này, trong khuôn khổ Dự án “Tăng cường tiếp cận công lý và bảo vệ quyền tại Việt Nam”, Văn phòng Ban Chỉ đạo Cải cách tư pháp Trung ương đã tiến hành nghiên cứu về Quản lý hành chính toà án – kinh nghiệm quốc tế và thực tiễn Việt Nam trong năm 2011 và 2012.

Trên cơ sở kết quả khảo sát thực trạng quản lý hành chính toà án ở Việt Nam do nhà thầu độc lập tiến hành, Văn phòng Ban Chỉ đạo Cải cách tư pháp Trung ương tổ chức hội thảo lấy ý kiến góp ý của đại diện một số cơ quan, tổ chức có liên quan ở trung ương và địa

phương, một số thẩm phán và chuyên gia, nhà khoa học nhằm hoàn thiện Dự thảo Báo cáo kết quả khảo sát quản lý hành chính toà án tại Việt Nam./.

**Đầu mối liên hệ:** Trần Hồng Nguyên,  
Văn phòng Ban Chỉ đạo Cải cách tư  
pháp Trung ương, điện thoại:  
08044657, email:  
[nguyenth2605@gmail.com](mailto:nguyenth2605@gmail.com)

## Hội thảo hoàn thiện Bộ Công cụ lồng ghép giới trong xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và Báo cáo đánh giá tác động giới của Dự án Luật Hộ tịch (05/4/2013)

**N**gày 05/4/2013, với sự hỗ trợ của Dự án “Tăng cường tiếp cận công lý và bảo vệ quyền tại Việt Nam”, Ban Vì sự tiến bộ phụ nữ ngành Tư pháp, Bộ Tư pháp, đã tổ chức Hội thảo hoàn thiện Bộ Công cụ lồng ghép giới trong xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và Báo cáo đánh giá tác động giới của Dự án Luật Hộ tịch.

Bộ Tư pháp đóng một vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy bình đẳng giới và sự tiến bộ của phụ nữ ở Việt Nam nói chung. Hiện nay, Ban Vì sự tiến bộ phụ nữ ngành Tư pháp đang phấn đấu hoàn thành các nhiệm vụ được giao tại Nghị định số 70/2008/NĐ-CP ngày 4/6/2008 quy định chi tiết thi hành một số điều luật của Luật Bình đẳng giới, Nghị định số 48/2009/NĐ-CP quy định các biện pháp thúc đẩy bình đẳng giới, cụ thể là thúc đẩy bình đẳng giới và lồng ghép giới trong các hoạt động thuộc phạm vi quản lý của Bộ. Bên cạnh đó, Ban Vì sự tiến bộ phụ nữ ngành Tư pháp cũng như là đơn vị đi đầu trong việc đánh giá lồng ghép giới trong xây dựng và thi hành pháp luật tại Việt Nam.

Trong khuôn khổ của Dự án, Ban Vì sự tiến bộ phụ nữ ngành Tư pháp đã tiến hành xây dựng Bộ Công cụ lồng ghép giới trong xây dựng văn bản quy phạm pháp luật trong năm 2011 và tiến hành Nghiên cứu đánh giá tác động giới của Dự án Luật Hộ tịch trong năm 2012. Căn cứ theo Kế hoạch hoạt động năm

2013 của Dự án, Ban Vì sự tiến bộ phụ nữ ngành Tư pháp tổ chức Hội thảo nhằm lấy ý kiến của các chuyên gia và các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan trong và ngoài ngành Tư pháp để hoàn thiện Bộ Công cụ lồng ghép giới trong xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và Báo cáo đánh giá tác động giới của Dự án Luật Hộ tịch, trong đó tập trung vào việc thu thập các ý kiến góp ý và từ thực tiễn thí điểm áp dụng để hoàn thiện Bộ Công cụ lồng ghép giới trong xây dựng văn bản quy phạm pháp luật.

Hội thảo đã giới thiệu và thảo luận về Bộ Công cụ lồng ghép giới trong xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và Dự thảo Báo cáo đánh giá tác động giới của Dự án Luật Hộ tịch; chia sẻ kinh nghiệm thực tiễn áp dụng Bộ Công cụ lồng ghép giới trong xây dựng văn bản quy phạm pháp luật khi đánh giá tác động giới của Dự án Luật Hộ tịch; thảo luận việc triển khai Bộ Công cụ và định hướng xây dựng Thông tư hướng dẫn lồng ghép giới trong xây dựng văn bản quy phạm pháp luật trên cơ sở Bộ Công cụ./.

**Đầu mối liên hệ:** Trần Thị Hương, Ban  
Vì sự tiến bộ phụ nữ ngành Tư pháp,  
Bộ Tư pháp, điện thoại: 62739366,  
email: [huongtt@moj.gov.vn](mailto:huongtt@moj.gov.vn)



## Hội thảo Nghiên cứu so sánh về việc áp dụng tập quán trong công tác xét xử - kinh nghiệm quốc tế và thực tiễn Việt Nam (06/05/2013)

**N**gày 06/05/2013, được sự hỗ trợ của Dự án 54892 “Tăng cường tiếp cận công lý và bảo vệ quyền tại Việt Nam”, Tòa án nhân dân tối cao đã tổ chức Hội thảo về áp dụng tập quán pháp trong công tác xét xử, kinh nghiệm của quốc tế và kinh nghiệm thực tiễn tại Việt Nam.

Ở nước ta, phong tục tập quán được thừa nhận tại Điều 5 Hiến pháp năm 1992 và tại Nghị quyết số 48-NQ/TW ngày 24/5/2005 của Bộ Chính trị cũng định hướng cho các quy định pháp luật về tập quán pháp. Đồng thời các văn bản pháp luật cũng có các quy định về áp dụng tập quán trong điều chỉnh các quan hệ dân sự, các quan hệ hôn nhân gia đình, các quan hệ thương mại...



Toàn cảnh Hội thảo

Mặc dù không phải là một nguồn chủ yếu trong hệ thống các quy phạm pháp luật, nhưng tập quán pháp ở Việt Nam đóng một vai trò quan trọng trong việc điều chỉnh các quan hệ thuộc các lĩnh vực khác nhau của đời sống xã hội. Với lịch sử hình thành và phát triển hơn 4000 năm cùng với sự đa dạng về văn hóa và sự đa dạng về dân tộc nên ở Việt Nam hệ thống các tập quán được hình thành và phát triển từ rất sớm và rất đa dạng. Với mỗi thời kỳ phát triển khác nhau, tập quán pháp ở Việt Nam lại có những đặc trưng riêng thể hiện những nếp sống, những thói quen, những quy tắc ứng xử riêng của con người.

Tuy nhiên, ở nước ta, cơ sở pháp lý cho công nhận và áp dụng tập quán còn không ít hạn chế. Hơn nữa, việc áp dụng tập quán pháp trong thực tiễn xét xử cũng gặp không ít khó khăn do những nguyên tắc, tổ chức và hoạt động của hệ thống tư pháp Việt Nam chưa thực sự phù hợp khiến việc áp dụng tập quán pháp chưa được rộng rãi. Việc Tòa án Việt Nam chưa có thẩm quyền hiến định để công nhận tập quán trở thành tập quán pháp hay việc áp dụng triệt để nguyên tắc pháp chế XHCN hiện nay chính là những khó khăn khiến cho việc công nhận và áp dụng tập quán pháp chưa phát huy được hiệu quả cao trong thực tế. Mặc dù tập quán pháp không phải là vấn đề mới ở Việt Nam nhưng những nghiên cứu hiện nay về tập quán pháp chưa đầy đủ, chưa toàn diện. Tập quán pháp chỉ được đề cập đến trong một số giáo trình của các cơ sở đào tạo luật tại Việt Nam và chỉ có một số luận án tiến sĩ và luận văn thạc sĩ bàn về tập quán pháp. Tuy nhiên, những công trình nghiên cứu trên mới chỉ tiếp cận, khai thác khía cạnh hẹp của tập quán, tập quán pháp hoặc đề cập chung chung mà chưa nghiên cứu, đánh giá toàn diện về thực trạng công nhận và áp dụng tập quán pháp thông qua xem xét pháp luật và thực tiễn xét xử để trên cơ sở đó đưa ra đề xuất nhằm nâng cao hiệu quả áp dụng tập quán pháp ở Việt Nam.

Qua hội nghị này, các đại biểu đã có thêm kinh nghiệm trong việc áp dụng tập quán pháp để giải quyết các tranh chấp dân sự, hôn nhân gia đình, kinh doanh thương mại nhất là tại các địa bàn vùng sâu, vùng xa, vùng núi hay vùng có điều kiện kinh tế - xã hội gặp nhiều khó khăn nhằm tăng cường khả năng tiếp cận công lý và bảo vệ quyền cho người dân./.

**Đầu mối liên hệ:** Trần Văn Thư, Phó Vụ trưởng Vụ Hợp tác quốc tế, Tòa án nhân dân tối cao, điện thoại: 0912441790, email: [vanthutran345@gmail.com](mailto:vanthutran345@gmail.com)

## Hội thảo góp ý Dự thảo Sửa đổi Hiến pháp năm 1992 (10-11/505/2013)

**N**gày 10-11/05/2013, được sự hỗ trợ của Dự án 54892 “Tăng cường tiếp cận công lý và bảo vệ quyền tại Việt Nam”, Vụ Pháp luật Hình sự - Hành chính, Bộ Tư pháp, đã tổ chức hội thảo: “Góp ý vào Dự thảo Báo cáo sửa đổi Hiến pháp năm 1992” để lấy ý kiến các chuyên gia, nhà khoa học từ các trường đại học, viện nghiên cứu và các nhà quản lý ở một số Bộ, ngành, địa phương nhằm hoàn thiện Dự thảo sửa đổi Hiến pháp năm 1992 (đã được tiếp thu, chỉnh lý theo ý kiến góp ý của nhân dân và dự kiến trình Quốc hội xem xét, thảo luận tại kỳ họp tháng 5/2013).



Đến dự hội thảo có đồng chí Nguyễn Đình Lộc, nguyên Bộ trưởng Bộ Tư pháp, đại diện lãnh đạo Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An, lãnh đạo Sở Tư pháp, Sở Nội vụ, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội... của 07 tỉnh, thành phố Miền Trung (Nghệ An, Thanh Hóa, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế, Đă Nẵng) và một số chuyên gia, nhà khoa học đến từ các trường đại học, viện nghiên cứu...

Thứ trưởng Bộ Tư Pháp Hoàng Thế Liên - Thành viên Ban Chỉ đạo của Chính phủ về tổng kết thi hành Hiến pháp năm 1992, Tổ trưởng Tổ giúp việc của Ban Chỉ đạo của Chính phủ về tổng kết thi hành Hiến pháp năm 1992 đã chủ trì Hội thảo. Thứ trưởng đã cung cấp một số thông tin liên quan đến

kết quả tổng kết việc tổ chức lấy ý kiến nhân dân về Dự thảo sửa đổi Hiến pháp năm 1992 của Chính phủ và một số vấn đề trọng tâm trong sửa đổi Hiến pháp lần này.

Theo phát biểu của Thứ trưởng Hoàng Thế Liên, việc nghiên cứu sửa đổi, bổ sung Hiến pháp năm 1992 là một sự kiện chính trị - pháp lý quan trọng, thu hút sự quan tâm của toàn xã hội, trong đó có giới nghiên cứu khoa học, các trường, viện nghiên cứu, các nhà quản lý, các doanh nhân..., tạo ra một đợt sinh hoạt chính trị sâu rộng của đất nước. Một số vấn đề cần tập trung thảo luận tại Hội thảo như sau:

Thứ nhất, về nguyên tắc tổ chức quyền lực nhà nước: Một nhà nước được xác định là nhà nước pháp quyền khi nhà nước đó được tổ chức và vận hành theo một số nguyên tắc cơ bản như: nguyên tắc phân công và kiểm soát quyền lực; hiệu lực pháp lý cao nhất của Hiến pháp; tính thống nhất của hệ thống pháp luật; có cơ chế bảo vệ Hiến pháp; tính độc lập của tòa án...;

Thứ hai, về chế định Chính phủ: Việc sửa đổi Hiến pháp lần này phải bảo đảm yêu cầu về tiếp tục đổi mới tổ chức, hoạt động của của Chính phủ theo tinh thần đã được ghi nhận trong các văn kiện Đại hội Đảng lần thứ XI, cụ thể là đảm bảo “xây dựng nền hành chính thống nhất, thông suốt, trong sạch, vững mạnh, có hiệu lực, hiệu quả; tổ chức tinh gọn và hợp lý; tăng tính dân chủ và pháp quyền trong điều hành của Chính phủ; nâng cao năng lực dự báo, ứng phó và giải quyết kịp thời những vấn đề mới phát sinh...; nâng cao năng lực, chất lượng xây dựng và tổ chức thực hiện các cơ chế, chính sách...”.

Thứ ba, về chế định chính quyền địa phương: Hiến pháp quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của HĐND, UBND ở ba cấp tương tự như nhau và chưa có sự phân biệt rõ ràng giữa chính quyền đô thị và chính quyền nông thôn, dẫn đến khó phân định được nhiệm vụ của từng cấp; cơ chế phân cấp giữa trung ương và địa phương chưa được quy định, dẫn đến sự chùng chéo về chức năng, nhiệm

vụ và đùn đẩy trách nhiệm giữa các cấp chính quyền.

Thứ tư, về chế định quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân: Trong nhà nước pháp quyền, việc tôn trọng và bảo vệ các quyền con người, quyền công dân là trách nhiệm của tất cả các chủ thể được giao thực thi quyền lực nhà nước và phải được Hiến pháp ghi nhận, bảo đảm, bảo vệ bằng các cơ chế hữu hiệu.

Thứ năm, về cơ chế bảo hiến: Trong Nhà nước pháp quyền, bảo vệ Hiến pháp đồng nghĩa với việc bảo vệ dân chủ, nhân quyền, dân quyền. Đồng thời, bảo vệ Hiến pháp cũng là một trong những nguyên tắc cốt lõi của nhà nước pháp quyền.

Tại hội thảo, các chuyên gia đã tập trung trình bày tham luận về một số vấn đề lớn trong Dự thảo sửa đổi Hiến pháp năm 1992 liên quan đến vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của Chính phủ, về tổ chức của chính quyền địa phương, về quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân, đặc biệt là quy định mới trong Dự thảo sửa đổi Hiến pháp 1992 lần này liên quan đến

Hội đồng Hiến pháp. Hội thảo đã nhận được nhiều ý kiến trao đổi trực tiếp liên quan đến các nội dung nêu trên của các chuyên gia, nhà khoa học, các đại biểu địa phương.

Phát biểu bế mạc Hội thảo, Thứ trưởng Hoàng Thế Liên đã đánh giá cao sự tham gia đóng góp ý kiến của các nhà quản lý, các chuyên gia, nhà khoa học, đặc biệt là sự đóng góp ý kiến nhiệt tình, tâm huyết và chất lượng từ các đại biểu địa phương. Các ý kiến đóng góp tại Hội thảo sẽ được tổng hợp đầy đủ và là nguồn tư liệu quý báu để phục vụ cho Bộ Tư pháp trong quá trình tiếp tục nghiên cứu, đề xuất, kiến nghị sửa đổi, bổ sung Hiến pháp năm 1992 trên cơ sở các quan điểm, đường lối, định hướng của Đảng, của Quốc hội, hoàn thiện những phương án cần sửa đổi, bổ sung đối với các quy định cụ thể của Dự thảo sửa đổi Hiến pháp 1992, tập trung vào các quy định liên quan đến Chính phủ và chính quyền địa phương./.

**Đầu mối liên hệ:** Trần Hồng Nguyên, Văn phòng Ban Chỉ đạo Cải cách tư pháp Trung ương, điện thoại: 08044657, email: [nguyenth2605@gmail.com](mailto:nguyenth2605@gmail.com)

## Hội thảo Nghiên cứu về vai trò của tổ chức xã hội và cá nhân trong theo dõi thi hành pháp luật (10/05/2013)

**N**gày 10/05/2013, được sự hỗ trợ của Dự án 54892 “Tăng cường tiếp cận công lý và bảo vệ quyền tại Việt Nam”, Vụ Các vấn đề chung về xây dựng pháp luật, Bộ Tư pháp, đã tổ chức hội thảo Nghiên cứu về vai trò của tổ chức xã hội và cá nhân trong theo dõi, thi hành pháp luật tại Hà Nội.

Hội thảo đã thu hút được sự quan tâm và tham gia của các đại diện của Kiểm toán nhà nước, Vụ Các vấn đề xã hội – Ban Tuyên giao Trung ương, đại diện một số đơn vị thuộc Bộ Tư pháp, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Liên đoàn Luật sư Việt Nam, Đoàn Luật sư, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam của một số tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Trung ương Đoàn Thanh niên Việt Nam, Hiệp hội Doanh nghiệp công nghiệp Vừa và Nhỏ Việt Nam, Hiệp hội vận tải thành phố

Hà Nội, Hội Tiêu chuẩn và Bảo vệ người tiêu dùng thành phố Hà Nội, Hiệp hội Dạy nghề và nghề công tác xã hội Việt Nam, Hội Bảo vệ quyền trẻ em Việt Nam và đại diện của các tổ chức, đơn vị có liên quan.

Mục tiêu của Hội thảo là nhằm giới thiệu tóm tắt Dự thảo Báo cáo Nghiên cứu về vai trò của tổ chức xã hội và cá nhân trong công tác theo dõi thi hành pháp luật, qua đó trao đổi, góp ý và hoàn thiện Dự thảo Báo cáo./.

**Đầu mối liên hệ:** Nguyễn Hồng Tuyền, Vụ trưởng Vụ Các vấn đề chung về xây dựng pháp luật, Bộ Tư pháp, điện thoại: 62739383, email: [tuyennh@moj.gov.vn](mailto:tuyennh@moj.gov.vn)



## Hội thảo về Định hướng cơ bản xây dựng Luật Ban hành quyết định hành chính (15-16/07/2013)

**N**gày 15-16/07/2013, được sự hỗ trợ của Dự án 54892 “Tăng cường tiếp cận công lý và bảo vệ quyền tại Việt Nam”, Vụ Pháp luật Hình sự - Hành chính, Bộ Tư pháp, đã tổ chức Hội thảo về định hướng cơ bản xây dựng Luật Ban hành quyết định hành chính tại thành phố Đà Nẵng.



Hội thảo có sự tham gia của các chuyên gia giàu kinh nghiệm ở Trung ương (Văn phòng Chính phủ, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Tài Chính, Đại học Luật Hà Nội, Bộ Tư pháp...) và đại diện các Sở, ban, ngành ở địa phương (Đà Nẵng, Quảng Ngãi, Quảng Nam, Bình Định, Thừa Thiên – Huế,....).

Dưới sự chủ trì của Thứ trưởng Bộ Tư pháp Hoàng Thế Liên, Hội thảo tập trung thảo luận về những vướng mắc, bất cập trong việc ban hành quyết định hành chính và kiến nghị, đề xuất những định hướng chính sách, nội dung cơ bản cần điều chỉnh trong Dự án Luật, làm cơ sở cho việc soạn thảo Dự án Luật này.

Đề cập đến những vướng mắc, bất cập trong việc ban hành quyết định hành chính, đa số đại biểu cho rằng, pháp luật hiện hành thiếu các nguyên tắc cơ bản cho việc ban hành

quyết định hành chính, do đó chưa đủ cơ sở pháp lý chặt chẽ để bảo vệ lợi ích của công dân. Ví dụ như không rõ khi nào thì một quyết định hành chính được coi là hợp pháp, không hợp pháp; khi nào một quyết định hành chính được coi là có hiệu lực hoặc vô hiệu; khi nào có thể hủy bỏ, thu hồi quyết định hành chính và hậu quả pháp lý của việc thu hồi hay hủy bỏ; trình tự, thủ tục ban hành quyết định hành chính cũng thiếu rõ ràng, thiếu chặt chẽ, chưa bảo đảm tính công khai, minh bạch, bảo vệ lợi ích của các bên có liên quan... Thực tiễn thời gian qua cho thấy, nhiều quyết định hành chính được ban hành không hợp lý, không khả thi, đã gây ra nhiều dư luận trong xã hội.

Phát biểu tại Hội thảo, nhiều đại biểu cũng đưa ra những đề xuất, kiến nghị nhằm định hướng chính sách, nội dung cơ bản cần điều chỉnh trong Dự án Luật Ban hành quyết định hành chính như về mục đích ban hành Luật, về phạm vi điều chỉnh của Luật này; về bảo đảm tính công khai, minh bạch trong việc ban hành quyết định hành chính; về trình tự, thủ tục ban hành quyết định hành chính; mối quan hệ giữa Luật Ban hành quyết định hành chính với các luật chuyên ngành khác./.

**Đầu mối liên hệ: Nguyễn Quỳnh Liên,  
Vụ Pháp luật Hình sự - Hành chính, Bộ  
Tư pháp, điện thoại: 62739412, email:  
[liennq@moj.gov.vn](mailto:liennq@moj.gov.vn)**